



DFS STANDARD PURCHASING TERMS & CONDITIONS (NON-MERCHANDISING)
CÁC ĐIỀU KHOẢN & ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH TIÊU CHUẨN CỦA DFS (PHI – HÀNG HÓA)

These standard purchasing terms and conditions apply to, and form part of, any contract for the purchase of Deliverables (as defined below) by DFS.

Các điều khoản và điều kiện giao dịch tiêu chuẩn này áp dụng đối với, và là một phần của bất kỳ hợp đồng mua bán Sản Phẩm Chuyển Giao (như được định nghĩa bên dưới) của DFS

1. DEFINITIONS CÁC ĐỊNH NGHĨA	“Affiliate(s)” (các) “Công ty liên kết”	means a person, corporation, firm, limited liability company, partnership, or other business entity, which directly controls or is controlled by or is under common control with an entity and for the purpose of this definition, the term “control” shall mean ownership directly or indirectly, through one or more Affiliates of fifty percent (50%) or more of the shares entitled to vote for the election of directors, in the case of a corporation, or fifty percent (50%) or more of the equity interests in the case of any other type of legal entity, status as a general partner in any partnership, or any other arrangement whereby a person or entity controls or has the right to control the Board of Directors or equivalent governing body of a corporation or other entity. <i>có nghĩa là một cá nhân, tập đoàn, công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc pháp nhân khác trực tiếp kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của hoặc dưới sự kiểm soát chung của một pháp nhân, và với định nghĩa này, thuật ngữ “quyền kiểm soát” có nghĩa là quyền sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp, thông qua một hoặc nhiều Chi nhánh, năm mươi phần trăm (50%) trở lên trong số cổ phần có quyền biểu quyết bầu các giám đốc, trong trường hợp là một công ty, hoặc năm mươi phần trăm (50%) hoặc nhiều hơn cổ phần vốn chủ sở hữu trong trường hợp là bất kỳ loại pháp nhân nào khác, tư cách là thành viên hợp danh trong bất kỳ công ty hợp danh nào hoặc bất kỳ thỏa thuận nào khác mà theo đó một cá nhân hoặc pháp nhân kiểm soát hoặc có quyền kiểm soát Hội đồng quản trị hoặc cơ quan quản lý tương đương của một công ty hoặc một pháp nhân khác.</i>
	“Confidential Information” “Thông Tin Bảo Mật”	means all information (in any form or medium) of a confidential nature whether or not marked as “Confidential”, whether oral or written provided in the course of the Contract (whether on, before or after the effective date) by or on behalf of the disclosing Party and/or its Representatives to the receiving Party and/or its Representatives, including, but not limited to, customer data, business and marketing plans, organizational structure and financial information or other information that relates to the Contract (including the terms and existence of this Contract). Confidential Information shall not include information which: <i>có nghĩa là tất cả thông tin (dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào) có tính chất bí mật cho dù có được ghi chú là “Bí mật” hay không, dù bằng miệng hay bằng văn bản được cung cấp trong quá trình của Hợp đồng (cho dù vào, trước hoặc sau ngày có hiệu lực) bởi hoặc nhân danh Bên tiết lộ và/hoặc các Đại diện của Bên nhận và/hoặc các Đại diện của Bên nhận, bao gồm nhưng không giới hạn bởi dữ liệu khách hàng, kế hoạch kinh doanh và tiếp thị, cơ cấu tổ chức và thông tin tài chính hoặc thông tin khác liên quan đến Hợp Đồng (bao gồm các điều khoản và sự tồn tại của Hợp đồng này). Thông Tin Bảo Mật sẽ không bao gồm thông tin:</i> (i) has been placed in the public domain through no breach of this Contract by the receiving Party; <i>đã được công bố rộng rãi mà Bên nhận không vi phạm Hợp đồng này;</i> (ii) was lawfully in the possession of the receiving Party prior to its receipt from the disclosing Party pursuant to this Contract; or <i>thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên nhận trước khi nhận được từ Bên tiết lộ theo Hợp Đồng này; hoặc;</i> (iii) is independently developed by the receiving Party or its Representatives without reference to or use of the Confidential Information or violating any of the obligations in this Contract. <i>được tạo ra một cách độc lập bởi Bên nhận hoặc các Đại diện của Bên nhận mà không cần tham chiếu đến hoặc sử dụng Thông Tin Bảo Mật hoặc vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào trong Hợp Đồng này.</i>
	“Contract” “Hợp Đồng”	means any contractual undertaking (whether documented in writing or verbally communicated) as agreed upon by the Parties for the supply of Deliverables by Counterparty to DFS of which, may include without limitation, duly executed documents resembling the following: <i>có nghĩa là bất kỳ cam kết bằng hợp đồng nào (cho dù được lập thành văn bản hoặc thông báo bằng lời nói) theo thỏa thuận của các Bên về việc cung cấp Sản Phẩm Chuyển Giao bởi Bên Đối Tác cho DFS, trong đó, có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi những văn bản có hiệu lực thực thi hợp lệ tương tự như sau:</i> a) DFS template contract;/ <i>Hợp đồng mẫu của DFS</i> b) Purchase orders and/or an equivalent;/ <i>Đơn đặt hàng và/hoặc tài liệu tương đương</i> c) Statement of work documentation and/or an equivalent;/ <i>Bảng kê công việc và/hoặc tài liệu tương đương;</i> d) Requests for proposal; and/or /<i>đề xuất dịch vụ và/hoặc</i> e) Binding letters of intent./ <i>ý định thư ràng buộc.</i>
	“Counterparty”	means the third-party named under a Contract responsible for supplying the Deliverable.



“Bên Đối Tác”	Có nghĩa là bên thứ ba trong một Hợp Đồng mà bên đó có trách nhiệm cung cấp Sản Phẩm Chuyển Giao.
“Deliverables” “Sản Phẩm Chuyển Giao”	means any Goods, Services and/or Works which Counterparty shall supply, produce, manufacture and/or design in favour of DFS under a Contract. <i>có nghĩa là bất kỳ Hàng Hóa, Dịch vụ và/hoặc Sản Phẩm nào mà Bên Đối Tác sẽ cung cấp, sản xuất, chế tạo và/hoặc thiết kế cho DFS theo Hợp đồng.</i>
“DFS” “DFS”	means the DFS entity and/or its Affiliates (if any) named under a Contract. <i>có nghĩa là công ty DFS và/hoặc các Công ty liên kết của DFS (nếu có) mà có tên trong một Hợp Đồng.</i>
“Effective Period” “Thời Hạn Hiệu Lực”	means the period of time, as stated in a Contract, with which the Parties have agreed to be bound by that Contract and in the absence of which, shall be construed in accordance to terms of this SPTC. <i>có nghĩa là khoảng thời gian, như được nêu trong Hợp Đồng, mà các Bên đã đồng ý bị ràng buộc bởi Hợp Đồng đó và trong trường hợp không có, sẽ được hiểu theo các điều khoản của SPTC này.</i>
“Fees” “Phí”	means the fees payable by DFS to Counterparty for the Deliverable in accordance to the terms a Contract. <i>có nghĩa là khoản phí phải trả bởi DFS cho Bên Đối Tác cho Sản Phẩm Chuyển Giao theo các quy định của Hợp Đồng.</i>
“Force Majeure Event” “Sự kiện Bất khả kháng”	means an act of God, act of civil or military authority, labour disputes, fire, riots, civil commotions, sabotage, war, embargo, blockage, boycotts, floods, epidemics, pandemics, reportable communicable and virulent disease, public health emergencies, governmental restrictions and any other event which is beyond the reasonable control of either Party. <i>có nghĩa là thiên tai, hành động của chính quyền dân sự hoặc quân sự, tranh chấp lao động, hỏa hoạn, nổi loạn, bạo động dân sự, hành động phá hoại, chiến tranh, cấm vận, phong tỏa, tẩy chay, lũ lụt, dịch bệnh, đại dịch, bệnh truyền nhiễm và độc hại, các trường hợp khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng, các lệnh hạn chế của chính phủ và bất kỳ sự kiện nào khác nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của mỗi Bên.</i>
“Good(s)” “Hàng Hóa”	means any physical goods purchased as a Deliverable by DFS under a Contract. <i>có nghĩa là bất kỳ hàng hóa hiện hữu nào được mua bởi DFS dưới hình thức một Sản Phẩm Chuyển Giao theo một Hợp Đồng.</i>
“Intellectual Property” “Tài sản trí tuệ”	means any and all designs, design rights, trademarks, trade names, copyright, models, patents, databases, logos, distinctive designs, domain names or rights of any other nature capable of being deemed as intellectual property rights under the applicable laws (whether registered or not). <i>có nghĩa là bất kỳ và tất cả các thiết kế, quyền thiết kế, nhãn hiệu, tên thương mại, bản quyền, mô hình, bằng sáng chế, cơ sở dữ liệu, biểu trưng, thiết kế đặc biệt, tên miền hoặc các quyền cho bất kỳ thứ nào khác có thể được coi là quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật hiện hành (cho dù đã đăng ký hoặc không).</i>
“Party or Parties” “Bên hoặc Các Bên”	mean either DFS and/or Counterparty. <i>có nghĩa là DFS và/hoặc Bên Đối Tác</i>
“Representatives” các “Đại diện”	means, as to a Party, such of its affiliates, directors, officers, employees, agents, advisors (including, without limitation, financial advisors, legal counsel and accountants), contractors, sub-contractors and controlling persons who has an interest, involvement and/or is concerned with the Contract and whose knowledge of the Confidential Information is necessary for these purposes. <i>Có nghĩa là, có nghĩa là, đối với một Bên, là các công ty liên kết, các giám đốc, các cán bộ, nhân viên, đại lý, cố vấn (bao gồm nhưng không giới hạn, cố vấn tài chính, cố vấn pháp lý và kế toán), các nhà thầu, các nhà thầu phụ và những người kiểm soát có lợi ích, tham gia và / hoặc liên quan đến Hợp Đồng và những người có kiến thức về Thông Tin Bảo Mật là cần thiết cho những mục đích này.</i>
“Service(s)” “Dịch vụ” (các)	means any service (other than the provision of Goods) purchased as a Deliverable by DFS under a Contract. <i>có nghĩa là bất kỳ dịch vụ (ngoài việc cung cấp Hàng hóa) được DFS sử dụng như là Sản Phẩm Chuyển Giao theo một Hợp Đồng.</i>



	"SPTC"	means these standard purchasing terms and conditions of which DFS reserves the right to update from time-to-time and enforce any such updates to the maximum extent permitted by applicable laws. <i>có nghĩa là các điều khoản và điều kiện giao dịch hàng tiêu chuẩn mà DFS có quyền cập nhật tùy từng thời điểm và thực thi bất kỳ cập nhật nào như vậy trong phạm vi tối đa được pháp luật hiện hành cho phép.</i>
	"Work(s)" "Sản Phẩm"	means any and all reports, recommendations, specifications, drawings, technical data, sketches and any information prepared or furnished as a Deliverable for DFS under a Contract. <i>có nghĩa là bất kỳ và tất cả các báo cáo, khuyến nghị, quy cách, bản vẽ, dữ liệu kỹ thuật, bản phác thảo và bất kỳ thông tin nào được chuẩn bị hoặc có sẵn được mua bởi DFS như Sản Phẩm Chuyển Giao theo Hợp Đồng.</i>
2. ENGAGEMENT OF COUNTERPARTY CAM KẾT CỦA BÊN ĐỐI TÁC	a) Unless otherwise agreed by the Parties in a Contract, the provisions of these SPTC shall constitute the default provisions governing the respective rights and obligations of the Parties under a Contract. <i>Nếu Các Bên không có thỏa thuận khác trong Hợp đồng, các quy định của SPTC này sẽ cấu thành các điều khoản mặc định quy định các quyền và nghĩa vụ tương ứng của các Bên theo một Hợp đồng.</i> b) Under no circumstances shall DFS be construed as agreeing to Counterparty: <i>Trong mọi trường hợp, DFS sẽ không được hiểu là đồng ý với Bên Đối tác:</i> (i) to pay a minimum amount of fees; <i>thanh toán một khoản phí tối thiểu</i> (ii) to guarantee a minimum order quantity; and/or <i>bảo đảm một số lượng đặt hàng tối thiểu; và/hoặc</i> (iii) to guarantee an engagement with the Counterparty for a minimum term. <i>Bảo đảm đảm bảo cam kết công việc với Bên Đối Tác trong thời hạn tối thiểu.</i>	
3. TERM THỜI HẠN	a) Each Contract shall be binding upon the Parties during the Effective Period. <i>Mỗi Hợp đồng sẽ ràng buộc Các Bên trong suốt Thời Hạn Hiệu Lực.</i> b) Should a Contract be silent on the Effective Period, the Effective Period for that Contract: <i>Nếu một Hợp Đồng không quy định cụ thể về Thời Hạn Hiệu Lực, thì Thời Hạn Hiệu lực đối với Hợp đồng đó được xác định như sau:</i> (i) where Goods are being supplied, shall be deemed to be concluded upon the due delivery of such Deliverable; and <i>trong trường hợp Hàng Hóa đang được cung cấp, sẽ là được coi là kết thúc khi mà Sản Phẩm Chuyển Giao đã được giao.</i> (ii) where Services are being supplied, shall remain effective for a term of 2 years commencing from the date of executing that Contract and/or upon the obligations therein being duly completed by Counterparty, whichever being the sooner event. <i>Trường hợp Các Dịch Vụ đang được cung cấp, sẽ vẫn có hiệu lực trong thời hạn 2 năm kể từ ngày ký kết Hợp đồng đó và / hoặc khi các nghĩa vụ của Hợp đồng đó được Bên đối tác hoàn thành hợp lệ, tùy theo sự kiện nào xảy ra sớm hơn.</i>	
4. FEES PHÍ	a) In consideration of Counterparty supplying the Deliverables to DFS, DFS shall pay the Fees as prescribed under the relevant Contract. <i>Trên cơ sở, Bên Đối Tác cung cấp Sản Phẩm Chuyển Giao cho DFS, DFS sẽ thanh toán Phí theo quy định của Hợp đồng liên quan.</i> b) Specifically, where Goods are being supplied, the relevant Fees: <i>Cụ thể là, khi Hàng Hóa đang được cung cấp, Phí liên quan sẽ:</i> (i) shall be stated in the Contract; <i>được quy định cụ thể trong Hợp đồng.</i> (ii) unless expressly stated otherwise, shall be deemed to be inclusive of all applicable customs tax and duties, packaging, marking, handling, freight and delivery, insurance and all other applicable costs and charges; <i>trừ khi có quy định rõ ràng khác, sẽ được coi là đã bao gồm tất cả các loại thuế và phí hải quan hiện hành, đóng gói, đánh dấu, xử lý, vận chuyển và giao hàng, bảo hiểm và tất cả các chi phí và lệ phí áp dụng khác.</i> (iii) shall be fixed and shall not be subject to any variation unless otherwise agreed by the Parties in writing; and <i>sẽ được cố định và không có bất kỳ sự thay đổi nào trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản; và</i> (iv) shall include all taxes except taxes which Counterparty is required by law to collect from DFS - such taxes, if any, shall be separately stated in Counterparty's invoice and paid by DFS subject to the availability of any exemptions. <i>sẽ bao gồm tất cả các loại thuế, ngoại trừ các loại thuế mà pháp luật yêu cầu Bên Đối Tác thu từ DFS - các khoản thuế</i>	



	đó, nếu có, sẽ được nêu riêng trong hóa đơn của Bên Đối Tác và được DFS thanh toán tùy theo tình trạng có sẵn bất kỳ khoản miễn trừ nào.
5. PAYMENT TERMS ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN	a) Where Goods are being supplied, Counterparty shall invoice DFS for the Fees upon its delivery. <i>Trường hợp Hàng Hóa đang được cung cấp, Bên Đối Tác sẽ xuất hóa đơn cho DFS khi Hàng hóa đã được giao cho DFS.</i> b) Where Services are being supplied, Counterparty shall invoice DFS for the Fees upon completing the Services. <i>Trường hợp Các Dịch Vụ đang được cung cấp, Bên Đối Tác sẽ xuất hóa đơn cho DFS khi hoàn thành Các Dịch Vụ.</i> c) Counterparty agrees that all invoiced amounts are final and are inclusive of any and all costs, fees and/or taxes as they may relate to the supply of Deliverables by Counterparty to DFS. <i>Bên Đối Tác đồng ý rằng tất cả các khoản tiền được xuất hóa đơn là khoản tiền cuối cùng và đã bao gồm tất cả các chi phí, phí và/hoặc thuế liên quan đến việc cung cấp Sản Phẩm Chuyển Giao từ Bên Đối Tác cho DFS.</i> d) DFS shall pay all properly invoiced and undisputed amounts due to Counterparty within 60 days after month end of any such invoice. <i>DFS sẽ thanh toán tất cả các khoản tiền được lập hóa đơn hợp lệ và đã thống nhất cho Bên đối tác trong vòng 60 ngày sau khi kết thúc tháng của bất kỳ hóa đơn nào như vậy.</i> e) Unless otherwise agreed by the Parties in writing, Counterparty shall submit all invoices to DFS' designated electronic platform as may be communicated to Counterparty as part of DFS' vendor onboarding. All invoices submitted to DFS must be compliant with DFS' policies relating to invoicing. <i>Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản, Bên Đối Tác sẽ gửi tất cả các hóa đơn đến nền tảng điện tử được chỉ định của DFS để có thể được thông báo cho Bên Đối Tác như một phần của việc giới thiệu nhà cung cấp của DFS. Tất cả các hóa đơn được gửi đến DFS phải tuân thủ các chính sách của DFS liên quan đến việc lập hóa đơn.</i> f) All payments hereunder shall be made in Vietnam Dong unless otherwise agreed by the Parties in writing. <i>Tất cả các khoản thanh toán sẽ được thanh toán bằng Việt Nam đồng trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.</i> g) If DFS disputes an invoice, DFS shall issue a written notice to Counterparty within 14 days of the payment due date setting out (with reasonable detail) the items in dispute. The Parties shall discuss all such disputes expeditiously and in good faith with a view to resolve the dispute within 30 days from the date of the notice. Counterparty shall continue to perform its obligations under any ongoing Contract(s) notwithstanding any such dispute. <i>Nếu DFS không đồng ý về một hóa đơn, DFS sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Bên đối tác trong vòng 14 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán nêu (với chi tiết hợp lý) các mục đang tranh chấp. Các Bên sẽ thảo luận về tất cả các điểm không thống nhất đó một cách nhanh chóng và thiện chí nhằm giải quyết tranh chấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo. Bên đối tác sẽ tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo bất kỳ (các) Hợp đồng đang thực hiện nào bất chấp mọi tranh chấp như vậy.</i> h) Without prejudice to any other right or remedy available to DFS, DFS reserves the right of set-off with respect to any amounts owing to it by Counterparty against any amounts payable by DFS to Counterparty under any Contract which the Parties may have entered into including those which may have been entered into between the Counterparty and an Affiliate of DFS. <i>Không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào khác dành cho DFS, DFS bảo lưu quyền bù trừ đối với bất kỳ khoản tiền nào mà Bên Đối Tác nợ đối với bất kỳ khoản tiền nào mà DFS phải trả cho Bên Đối Tác theo bất kỳ Hợp đồng nào mà các Bên có thể đã tham gia bao gồm những thỏa thuận có thể đã được ký kết giữa Bên Đối Tác và Công ty Liên Kết của DFS.</i>
6. EXPENSES CHI PHÍ	a) All expenses incurred by Counterparty for and/or in connection with its supply of the Deliverable to DFS, shall be borne solely by Counterparty unless otherwise agreed by the Parties in writing. <i>Tất cả các chi phí mà Bên Đối Tác phát sinh đối với và / hoặc liên quan đến việc cung cấp Sản phẩm Chuyển Giao cho DFS, sẽ chỉ do Bên Đối Tác chịu trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.</i> b) Where DFS agrees to reimburse Counterparty on such fees, reimbursement of the same must be approved in writing by DFS in advance and supported by documentation to the reasonable satisfaction of DFS and submitted by no later than 14 days after end of the month in which they were incurred, or 30 days after the termination of the relevant Contract, whichever date being earlier. <i>Trường hợp DFS đồng ý hoàn trả cho Bên Đối Tác các khoản phí đó, thì việc hoàn trả khoản phí đó phải được DFS chấp thuận trước bằng văn bản và được hỗ trợ bằng tài liệu đáp ứng yêu cầu hợp lý của DFS và được gửi không muộn hơn 14 ngày sau khi kết thúc tháng mà chi phí đã phát sinh, hoặc 30 ngày sau khi chấm dứt Hợp đồng liên quan, tùy vào ngày nào sớm hơn.</i>
7. CONTRACT ACCEPTANCE CHẤP NHẬN HỢP ĐỒNG	Even if no Contract is executed, Counterparty shall be deemed to have unconditionally accepted a Contract by providing DFS with conforming Deliverables in whole or in part. <i>Ngay cả khi không có Hợp đồng nào được ký kết, Bên Đối Tác sẽ được coi là đã chấp nhận Hợp đồng một cách vô điều kiện bằng cách cung cấp cho DFS toàn bộ hoặc một phần các Sản phẩm Chuyển Giao liên quan.</i>



8. COUNTERPARTY REPRESENTATIONS & WARRANTIES CAM KẾT VÀ ĐẢM BẢO CỦA BÊN ĐỐI TÁC	a) Counterparty represents, warrants and undertakes that: <i>Bên Đối Tác cam kết, cam đoan và đảm bảo rằng:</i> (i) it has the capacity, power and authority to enter into this Contract; <i>Bên Đối Tác có đầy đủ năng lực, quyền và thẩm quyền để ký kết Hợp đồng này.</i> (ii) the Contract shall constitute its legal, valid and binding obligations and shall not violate the terms of any other agreement, judgment or court order to which it is bound; <i>Hợp đồng sẽ cấu thành các nghĩa vụ hợp pháp, hợp lệ và ràng buộc theo Hợp đồng và không vi phạm các điều khoản của bất kỳ thỏa thuận, phán quyết hoặc lệnh của tòa án nào khác mà Hợp đồng đó bị ràng buộc.</i> (iii) it shall comply with all applicable international and/or domestic laws, regulations and legislations (including obtaining and maintaining any requisite regulatory approvals, licenses, consents, rights and permits throughout the term of the Contract) which may apply directly and/or indirectly to: <i>Bên Đối Tác phải tuân thủ tất cả các luật, quy định và luật pháp quốc tế và / hoặc trong nước hiện hành (bao gồm cả việc xin và duy trì mọi phê duyệt quy định cần thiết, giấy phép, sự đồng ý, quyền và chấp thuận trong suốt thời hạn của Hợp đồng) có thể áp dụng trực tiếp và / hoặc gián tiếp đến:</i> 1) the Counterparty in the course of carrying-on its business, and/or <i>Bên Đối Tác trong việc thực hiện hoạt động kinh doanh của Bên Đối Tác, và/hoặc</i> 2) the Deliverable. <i>Sản Phẩm Chuyển Giao.</i> (iv) it shall perform its obligations under a Contract with the necessary care, skill and diligence as expected upon them in Counterparty's profession and industry; <i>Bên Đối Tác sẽ thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng với sự cẩn thận, kỹ năng và cẩn trọng cần thiết như mong đợi đối với chuyên môn và lĩnh vực chuyên ngành của Bên Đối Tác.</i> (v) neither Counterparty nor any of its Affiliates or, to its knowledge, any director, officer, employee, or supplier(s) of Counterparty or any of its Affiliates is a person who (a) is directly or indirectly owned or controlled by any person currently included on the Specially Designated Nationals and Blocked Persons List or the Consolidated Sanctions List (collectively, "SDN List") maintained by governmental bodies with jurisdiction over this Contract and/or activities connected to this Contract, included but not limited to the United Nations and the US Office of Foreign Assets Control (collectively, "Government Entities"), or (b) is directly or indirectly owned or controlled by any person who is located, organized, or resident in a country or territory that is, or whose government is, the target of sanctions imposed by Government Entities; and <i>Bên Đối Tác hoặc bất kỳ Công ty liên kết nào của Bên Đối Tác hoặc, theo hiểu biết của Bên Đối Tác, bất kỳ giám đốc, cán bộ, nhân viên hoặc (các) nhà cung cấp nào của Bên Đối Tác hoặc bất kỳ Công ty liên kết nào của Bên Đối Tác không là người (a) được sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi bất kỳ người nào hiện đang được đưa vào Danh sách các công dân được chỉ định đặc biệt và danh sách những người bị phong tỏa hoặc Danh sách các biện pháp trừng phạt hợp nhất (gọi chung là "Danh sách SDN") được duy trì bởi các cơ quan chính phủ có thẩm quyền phần xử đối với Hợp đồng này và / hoặc các hoạt động liên quan đến Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn Liên Hiệp Quốc và Văn phòng Kiểm soát Tài sản Nước ngoài của Hoa Kỳ (gọi chung là "Các tổ chức Chính phủ"), hoặc không (b) được sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi bất kỳ người nào tại, tổ chức hoặc cư trú tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà là, hoặc chính phủ của người đó là, mục tiêu của các biện pháp trừng phạt do các Cơ quan Chính phủ áp dụng; và</i> (vi) it shall promptly notify in writing DFS if the Counterparty or any of its Affiliates, or any of its, or to its knowledge, any of its Affiliates' directors, officers, employees, agents, or suppliers becomes directly or indirectly owned or controlled by any person (a) included on the then-current SDN List, or (b) located, organized, or resident in a country or territory that is, or whose government is, the target of sanctions imposed by Government Entities. <i>Bên Đối Tác sẽ thông báo ngay bằng văn bản cho DFS nếu Bên Đối Tác hoặc bất kỳ Công ty liên kết nào của mình, hoặc bất kỳ đối tác nào, hoặc theo hiểu biết của Bên Đối Tác, bất kỳ giám đốc, cán bộ, nhân viên, đại lý hoặc nhà cung cấp nào của Công ty liên kết của Bên Đối Tác trở thành sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc được kiểm soát bởi bất kỳ người nào (a) có trong Danh sách SDN hiện tại khi đó, hoặc (b) ở tại, tổ chức hoặc cư trú tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà là, hoặc là chính phủ của họ là, mục tiêu của các biện pháp trừng phạt do các Cơ quan Chính phủ áp dụng.</i> b) For the purpose of this Section, person may refer to a natural person or a legal entity. <i>Cho mục đích của Mục này, người có thể được hiểu là dẫn chiếu đến một người hoặc một pháp nhân.</i>
---	--



9. WARRANTIES ON DELIVERABLES CAM KẾT VỀ SẢN PHẨM CHUYỂN GIAO	a) Counterparty warrants that all Deliverables (where applicable): <i>Bên Đối Tác cam kết rằng tất cả Các Sản Phẩm Chuyển Giao (nếu áp dụng):</i> (i) will be free from defect in design, material and workmanship and materials, including but not limited to defects potentially hazardous to life or property; <i>sẽ không có khiếm khuyết về thiết kế, vật liệu và tay nghề và nguyên liệu, bao gồm nhưng không giới hạn ở những khiếm khuyết có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc tài sản;</i> (ii) will be suitable and fit for the purposes intended whether express or reasonably implied; <i>sẽ phù hợp và đúng với các mục đích đã định cho dù rõ ràng hay ngụ ý một cách hợp lý;</i> (iii) will comply with, and where required, be registered under, any applicable laws, regulations, codes, orders and ordinances; <i>sẽ tuân thủ, và nếu được yêu cầu, được đăng ký theo, bất kỳ luật, quy định, luật, lệnh và pháp lệnh hiện hành nào.</i> (iv) will be in conformity with the drawings, specifications, samples or other descriptions applicable thereto; <i>sẽ phù hợp với các bản vẽ, thông số kỹ thuật, mẫu hoặc các mô tả khác áp dụng cho Sản Phẩm Chuyển Giao.</i> (v) will be free and clear of all liens, security interests or other encumbrances; <i>sẽ không bị thế chấp/cầm giữ, đảm bảo quyền hoặc bất kỳ biện pháp hạn chế quyền nào.</i> (vi) will have accurate product labels detailing their ingredients and that fully comply with all labelling requirements under the applicable laws; <i>sẽ có nhãn sản phẩm chính xác nêu chi tiết thành phần của sản phẩm và tuân thủ đầy đủ tất cả các yêu cầu ghi nhãn theo luật hiện hành;</i> (vii) will have not less than 24 months left before their expiration date when delivered to DFS; <i>hạn sử dụng còn lại của sản phẩm sẽ không được ít hơn 24 tháng khi được giao cho DFS;</i> (viii) will not violate or infringe upon the trademark, copyright or other Intellectual Property or other statutory or common law rights of any person or entity, nor violate the right of privacy of, nor constitute a libel against, any person or entity, provided that the above representation and warranty shall not apply to any violation, infringement or libel to the extent attributable to the materials provided to Counterparty by DFS; <i>sẽ không vi phạm hoặc xâm phạm nhãn hiệu, bản quyền hoặc Sở hữu trí tuệ khác hoặc các quyền theo luật định hoặc thông luật khác của bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào, cũng như vi phạm quyền riêng tư của, cũng như không cấu thành tội bôi nhọ đối với, bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào, với điều kiện là cam kết và bảo đảm nêu trên sẽ không áp dụng cho bất kỳ hành vi vi phạm, vi phạm hoặc bôi nhọ nào trong phạm vi được quy cho các tài liệu do DFS cung cấp cho Bên Đối Tác.</i> (viii) will conform with all other requirements of the relevant Contract; <i>sẽ tuân thủ tất cả các yêu cầu khác của Hợp đồng liên quan;</i> (ix) where the Deliverable is a Service, that it will use due care in selecting, hiring, training and supervising its employees that will provide the Service to DFS and should DFS take the view that any such employee is or becomes unfit to carry-out his or her obligations, then Counterparty shall, upon request of DFS, remove such employee from the assignment under the relevant Contract; and <i>trong trường hợp Sản Phẩm Chuyển Giao là một Dịch vụ, Bên Đối Tác sẽ cẩn thận trong việc lựa chọn, thuê, đào tạo và giám sát nhân viên của mình mà sẽ cung cấp Dịch vụ cho DFS và nếu DFS có quan điểm rằng bất kỳ nhân viên nào như vậy là hoặc trở nên không thích hợp để thực hiện nghĩa vụ của nhân viên đó, thì Bên Đối Tác, theo yêu cầu của DFS, không được tiếp tục sử dụng nhân viên để thực công việc được giao theo Hợp đồng liên quan; và</i> (x) where the Deliverable is a Service requiring Counterparty to place staff on site at DFS' premises, Counterparty will (1) observe all health and safety rules and regulations and any other security requirements that apply at any of DFS' premises; and (2) not do or omit to do anything which may cause DFS to lose any licence, authority, consent or permission upon which DFS relies for the purposes of conducting its business. <i>Trong trường hợp Sản Phẩm Chuyển Giao là Dịch vụ yêu cầu Bên Đối Tác bố trí nhân viên làm việc tại cơ sở của DFS, Bên Đối Tác sẽ (1) tuân thủ tất cả các quy tắc và quy định về sức khỏe và an toàn cũng như bất kỳ yêu cầu bảo mật nào khác được áp dụng tại bất kỳ cơ sở nào của DFS; và (2) không làm hoặc bỏ qua bất kỳ điều gì có thể khiến DFS mất bất kỳ giấy phép, quyền hạn, sự đồng ý hoặc cho phép nào mà DFS cần dựa vào đó để thực hiện hoạt động kinh doanh của mình.</i> b) If a Deliverable fails to conform to the warranty requirements above, DFS may, in addition to any other remedies at law or in the relevant Contract, return such Deliverable to Counterparty, and/or reject such Deliverable, at Counterparty's expense, for correction, replacement or credit, as DFS may direct. <i>Nếu một Sản Phẩm Chuyển Giao không tuân theo các yêu cầu bảo hành ở trên, DFS, ngoài các biện pháp khắc phục khác theo luật hoặc trong Hợp đồng liên quan, có thể trả lại Sản Phẩm Chuyển Giao đó cho Bên Đối Tác và/hoặc từ chối Sản Phẩm Chuyển Giao đó, Bên Đối Tác bằng chi phí của mình sẽ phải sửa, thay thế hoặc thanh toán theo yêu cầu của DFS.</i> c) These warranties survive any delivery, inspection, acceptance or payment of or for the Deliverables by DFS. <i>Các cam kết này sẽ vẫn có hiệu lực trong bất kỳ quá trình giao hàng, kiểm tra, chấp nhận hoặc thanh toán đối với các Sản Phẩm Chuyển Giao bởi DFS hoặc đối với Sản Phẩm Chuyển Giao.</i>
---	--



10. GOODS SUPPLIED AS A DELIVERABLE SẢN PHẨM CHUYỂN GIAO LÀ HÀNG HÓA ĐƯỢC CUNG CẤP	a) Delivery terms shall be as specified in a Contract and time of delivery shall be of the essence. <i>Điều khoản giao hàng phải được quy định trong Hợp đồng và thời gian giao hàng sẽ là điều khoản cần thiết phải có.</i> b) Unless otherwise agreed by the Parties in writing, risk and title to Goods purchased by DFS from Counterparty passes to DFS upon DFS taking physical delivery of the same. <i>Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản của Các Bên, rủi ro và quyền sở hữu đối với Hàng hóa được DFS mua từ Bên Đối Tác sẽ được chuyển cho DFS ngay khi DFS thực tế nhận được Hàng hóa đó.</i> c) All Goods shall be packed for shipment according to DFS's reasonable instructions or, if there are no instructions, in a manner sufficient to ensure that the Goods are delivered in an undamaged condition. <i>Tất cả Hàng hóa sẽ được đóng gói để vận chuyển theo hướng dẫn hợp lý của DFS hoặc, nếu không có hướng dẫn, theo cách đủ để đảm bảo Hàng hóa được giao trong tình trạng không bị hư hại.</i> d) DFS has the right to inspect the Goods on or after taking delivery for a period of up to 180 days following the date of delivery. DFS may reject all or any portion of Goods if it determines that such Goods are nonconforming or defective. <i>DFS có quyền kiểm tra Hàng hóa vào hoặc sau khi nhận hàng trong thời gian lên đến 180 ngày kể từ ngày giao hàng. DFS có thể từ chối tất cả hoặc bất kỳ phần nào của Hàng hóa nếu xác định rằng Hàng hóa đó không phù hợp hoặc bị lỗi.</i> e) If DFS rejects any portion of the Goods, DFS has the right, effective upon written notice to Counterparty, to: <i>Nếu DFS từ chối bất kỳ phần nào của Hàng hóa, DFS có quyền, có hiệu lực ngay khi thông báo bằng văn bản cho Bên Đối Tác, để:</i> (i) rescind the Goods delivered under the relevant Contract in its entirety; <i>hủy bỏ toàn bộ Hàng hóa đã giao theo Hợp đồng liên quan;</i> (ii) accept the Goods at a reasonably reduced Fees; or <i>chấp nhận Hàng hóa với mức Phí được giảm hợp lý; hoặc</i> (iii) reject the Goods and require replacement of the rejected Goods. <i>Từ chối Hàng hóa và yêu cầu thay thế Hàng hóa bị từ chối.</i> f) Counterparty shall not deliver substituted Goods unless otherwise agreed by DFS. <i>Bên Đối Tác sẽ không giao Hàng hóa thay thế trừ khi có thỏa thuận khác của DFS.</i> g) If DFS requires replacement of Goods which are nonconforming, Counterparty shall, at its own expense, promptly replace the nonconforming Goods and shall bear all related expenses, including, but not limited to, transportation charges for the return of the defective Goods and the delivery of replacement Goods. <i>Nếu DFS yêu cầu thay thế Hàng hóa không phù hợp, Bên Đối Tác, bằng chi phí của mình, ngay lập tức thay thế Hàng hóa không phù hợp và chịu mọi chi phí liên quan, bao gồm, nhưng không giới hạn, phí vận chuyển cho việc trả lại Hàng hóa bị lỗi và giao Hàng hóa thay thế.</i> h) If Counterparty fails to make a timely replacement of the defective Goods, DFS may replace them with goods from a third party and charge Counterparty the cost thereof and terminate the relevant Contract for cause pursuant to Section 14 below. Any inspection or other action by DFS under this Section shall not reduce or otherwise affect Counterparty's obligations under the relevant Contract, and DFS shall have the right to conduct further inspections after Counterparty has carried out its remedial actions. <i>Nếu Bên Đối Tác không thay thế kịp thời Hàng hóa bị lỗi, DFS có thể thay thế Hàng hóa bị lỗi này bằng hàng hóa từ bên thứ ba và Bên Đối Tác sẽ phải trả chi phí thay thế hàng hóa đó và chấm dứt Hợp đồng có liên quan theo lý do căn cứ theo Mục 14 dưới đây. Mọi hoạt động kiểm tra hoặc hành động khác của DFS theo Mục này sẽ không làm giảm hoặc ảnh hưởng đến các nghĩa vụ của Bên Đối Tác theo Hợp đồng liên quan và DFS sẽ có quyền tiến hành kiểm tra thêm sau khi Bên Đối Tác thực hiện các biện pháp khắc phục.</i> i) If any Goods are determined by Counterparty, DFS or any governmental agency or court to contain a defect or a quality or performance deficiency, or not be in compliance with any standard or requirement so as to make it advisable or required by any party concerned, that such Goods be reworked or recalled, Counterparty and DFS undertakes to promptly communicate with each other, relevant facts and to develop and implement a mutually agreeable corrective action. Nothing contained in this section shall preclude DFS from taking any such action independently (at the expense of Counterparty) and as may be required of it under any such law or regulation. Counterparty shall pay all reasonable expenses associated with any such recall or rework unless otherwise agreed by the Parties in writing. <i>Nếu bất kỳ Hàng hóa nào được Bên Đối Tác, DFS hoặc bất kỳ cơ quan nhà nước hoặc tòa án nào xác định là có khiếm khuyết hoặc thiếu chất lượng hoặc hiệu suất, hoặc không tuân thủ bất kỳ tiêu chuẩn hoặc yêu cầu nào để khuyến khích hoặc yêu cầu bởi bất kỳ bên nào liên quan, rằng Hàng hóa đó được làm lại hoặc thu hồi, Bên Đối Tác và DFS cam kết liên lạc ngay với nhau, các thông tin liên quan và để bắt đầu và thực hiện hành động sửa chữa được cả hai bên đồng ý. Không có nội dung nào trong điều khoản này ngăn cản DFS thực hiện bất kỳ hành động nào như vậy một cách độc lập (với chi phí của Bên Đối Tác) và theo yêu cầu của bất kỳ luật hoặc quy định nào như vậy. Bên Đối Tác sẽ phải thanh toán tất cả các chi phí hợp lý liên quan đến bất kỳ việc thu hồi hoặc làm lại nào như vậy trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.</i>
---	---



11. SERVICES SUPPLIED AS A DELIVERABLE SẢN PHẨM CHUYỂN GIAO LÀ DỊCH VỤ ĐƯỢC CUNG CẤP	a) Where a Deliverable is a Service requiring Counterparty to place staff within DFS' premises: <i>Nếu một Sản Phẩm Chuyển Giao là một Dịch Vụ yêu cầu Bên Đối Tác bố trí nhân viên đến thực hiện tại cơ sở của DFS.</i> (i) if, in the sole and reasonable opinion of DFS, such Service is being materially under-performed by said staff, DFS may request by way of written notice, the replacement or removal of the under-performing staff at the sole cost of Counterparty provided always that Counterparty shall have up to 30 days from the date of said notice, to remedy the under-performance; <i>nếu, theo ý kiến duy nhất và hợp lý của DFS, Dịch vụ đó đang được thực hiện phần lớn kém hiệu quả bởi nhân viên đó, DFS có thể yêu cầu thông báo bằng văn bản, việc thay thế hoặc loại bỏ nhân viên hoạt động kém hiệu quả bằng chi phí duy nhất của Bên Đối Tác và luôn với điều kiện là Bên Đối tác sẽ có tối đa 30 ngày kể từ ngày thông báo nói trên, để khắc phục tình trạng hoạt động kém hiệu quả.</i> (ii) if Counterparty chooses to re-allocate a team member from the DFS team to another project, Counterparty will provide DFS with 30 days written notice, with no more than 1 such re-allocation happening in any six months period, unless otherwise agreed by the Parties in writing; and <i>nếu Bên Đối Tác chọn phân bổ lại một thành viên trong nhóm từ nhóm làm việc cho DFS cho một dự án khác, Bên Đối tác sẽ cung cấp cho DFS thông báo bằng văn bản trong 30 ngày, với không quá 1 lần tái phân bổ như vậy diễn ra trong bất kỳ khoảng thời gian sáu tháng nào, trừ khi có thỏa thuận khác bởi các Bên bằng văn bản; và</i> (iii) Counterparty agrees to coordinate staff vacations by way of 30 days' notice in advance with DFS to minimize any negative impact such vacations may have on the delivery date and timing of the Services and the Deliverables and in no event shall its staff be permitted to take in excess of 3 vacation days (except with the expressed written consent of DFS) in one continuous period. <i>Bên Đối Tác đồng ý điều phối các kỳ nghỉ của nhân viên bằng cách thông báo trước 30 ngày với DFS để giảm thiểu tối đa bất kỳ tác động tiêu cực nào mà các kỳ nghỉ đó có thể có đối với ngày và thời gian cung cấp Dịch vụ và Sản Phẩm Chuyển Giao và trong mọi trường hợp, nhân viên của Bên Đối Tác sẽ không được phép nghỉ quá 3 ngày nghỉ phép (trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của DFS) trong một khoảng thời gian liên tục.</i> b) Counterparty warrants the Works against defects in workmanship and materials for a period of twelve (12) months from the date that it is completed and accepted by DFS. <i>Bên Đối Tác bảo hành Công Việc đối với các khiếm khuyết về tay nghề và vật liệu trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày hoàn thành và được DFS chấp nhận.</i> c) Where a Contract requires Counterparty to deliver Deliverables based on certain pre-agreed delivery milestones: <i>Trường hợp Hợp đồng yêu cầu Bên Đối Tác giao Sản Phẩm Chuyển Giao dựa trên một số mốc giao hàng đã thỏa thuận trước:</i> (i) Counterparty accepts that any delay will severely impact DFS' operations and in such case, DFS may require Counterparty to pay as liquidated damages (and not as a penalty) an amount which is agreed by the Parties in a Contract. Such liquidated damages are in lieu of all other damages arising from such delay. <i>Bên Đối Tác chấp nhận rằng bất kỳ sự chậm trễ nào sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của DFS và trong trường hợp đó, DFS có thể yêu cầu Bên Đối Tác thanh toán như là những thiệt hại ước tính (và không phải là tiền phạt) một số tiền mà các Bên đã đồng ý trong Hợp đồng. Những thiệt hại ước tính như vậy thay cho tất cả các thiệt hại khác phát sinh từ sự chậm trễ đó.</i> (ii) In the absence of pre-agreed terms on liquidated damages, any Deliverable not completed by the deliverable milestone shall be one percent (1%) of the price of the specifically identified for each calendar day delay following the scheduled completion date of such Deliverable, but shall in no event exceed 8% of the total Fees payable by DFS to Counterparty under a Contract. Liquidated damages shall be assessed each calendar day until the date on which Counterparty completes such Major Deliverable, up to a maximum of thirty 30 calendar days. Counterparty may recoup the total amount of liquidated damages assessed against previous Deliverables if Counterparty accelerates progress towards future Deliverables (if any under the same Contract) and meets the final project completion date set out in that Contract. The Parties acknowledge and agree that such measure of liquidated damages is reasonable and proportionate to the possible disruption caused to DFS' business, additional costs incurred by DFS, and other losses or damages suffered by DFS as a result of delayed delivery. <i>Trong trường hợp không có các điều khoản thỏa thuận trước về các thiệt hại ước tính, bất kỳ Sản Phẩm Chuyển Giao nào không được hoàn thành đúng mốc thời gian giao hàng, thì thiệt hại ước tính đối với Sản Phẩm Chuyển Giao đó sẽ được tính là một phần trăm (1%) giá của Sản Phẩm Chuyển Giao chậm giao hàng đó cho mỗi ngày được xác định là chậm giao hàng so với lịch hoàn thành giao hàng của Sản Phẩm Chuyển Giao đó, nhưng sẽ không vượt quá 8% tổng Phí mà DFS phải trả cho Bên Đối Tác theo một Hợp đồng. Các thiệt hại ước tính áp dụng đối với mỗi ngày chậm trễ cho đến ngày Bên đối tác hoàn thành Hàng Hóa Chuyển Giao, và tối đa là 30 ngày. Bên Đối Tác có thể tính lại tổng số tiền thiệt hại ước tính áp dụng đối với các Sản phẩm Chuyển Giao trước đó nếu Bên Đối Tác đẩy nhanh tiến độ đối với các Sản phẩm Chuyển Giao trong tương lai (nếu có theo cùng một Hợp đồng) và đáp ứng ngày hoàn thành dự án cuối cùng được quy định trong Hợp đồng đó. Các Bên xác nhận và đồng ý rằng biện pháp bồi thường thiệt hại ước tính là hợp lý và tương xứng với khả năng gián đoạn gây ra cho hoạt động kinh doanh của DFS, các chi phí bổ sung mà DFS phải chịu, và các tổn thất hoặc thiệt hại khác mà DFS phải gánh chịu do giao hàng chậm trễ.</i> (iii) If, at the end of the 30-day period specified above, Counterparty has not met the schedule for completion of the Deliverable, then DFS, at no additional expense and at its option, may either <i>Nếu, hết thời hạn 30 ngày nêu trên, Bên Đối Tác không đáp ứng được tiến độ hoàn thành Sản Phẩm Chuyển Giao, thì DFS, không mất thêm chi phí và tùy theo lựa chọn của mình, có thể</i> 1) immediately terminate the Contract and claim for damages; or <i>chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức và yêu cầu bồi thường thiệt hại; hoặc</i> 2) instruct Counterparty to continue with no decrease in effort until the Deliverable is completed in accordance with the Contract and accepted by DFS or until DFS terminates the Contract.
--	--



	<i>hướng dẫn Bên Đối Tác tiếp tục không giảm nỗ lực cho đến khi Sản Phẩm Chuyển Giao được hoàn thành theo Hợp đồng và được DFS chấp nhận hoặc cho đến khi DFS chấm dứt Hợp đồng.</i> (iv) DFS shall have a right to set-off the amount equivalent to the liquidated damages against invoices issued by Counterparty under the Contract. <i>DFS sẽ có quyền bù trừ số tiền tương đương với các thiệt hại ước tính đối với các hóa đơn do Bên Đối Tác đã xuất theo Hợp đồng.</i> (v) To the extent that the delays to the Deliverable were solely and directly caused by DFS, no liquidated damages shall be levied on Counterparty. <i>Trong phạm vi mà sự chậm trễ đối với Sản Phẩm Chuyển Giao chỉ do DFS gây ra, không có thiệt hại thanh lý nào được tính đối với Bên Đối Tác.</i>
12. INTELLECTUAL PROPERTY TÀI SẢN TRÍ TUỆ	<u>Goods supplied as a Deliverable:</u> <u>Trường hợp Sản Phẩm Chuyển Giao là Hàng hóa được cung cấp:</u> a) Subject to Section 12. b), the Intellectual Property owned by a Party prior to the effective date of the Contract and made available to the other Party under a Contract shall remain the absolute property of the granting Party or their licensors as applicable. <i>Theo Mục 12. b), Tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của một Bên trước ngày Hợp đồng có hiệu lực và được cung cấp cho Bên kia theo Hợp đồng sẽ vẫn là tài sản tuyệt đối của Bên cấp hoặc người cấp phép của họ nếu có.</i> b) Section 12. a) shall not apply where title to that Intellectual Property is intended to pass to the other Party or that other Party is to be granted a license or right to use that Intellectual Property post termination of a Contract. <i>Mục 12. a) sẽ không áp dụng khi Tài Sản Trí Tuệ đó được dự định chuyển cho Bên kia hoặc Bên kia sẽ được cấp một giấy chứng nhận hoặc quyền sử dụng Tài sản Trí Tuệ đó sau khi chấm dứt Hợp đồng.</i> c) Neither Party shall use or permit the use of any Intellectual Property belonging to the other Party or any of the other Party's Affiliates for any purpose whatsoever, without the express prior written approval of the Party which owns such Intellectual Property. <i>Không Bên nào được sử dụng hoặc cho phép sử dụng bất kỳ Tài Sản Trí Tuệ nào thuộc về Bên kia hoặc bất kỳ Công ty liên kết nào của Bên kia cho bất kỳ mục đích nào, mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên sở hữu Tài Sản Trí Tuệ đó.</i> d) Unless otherwise agreed, Counterparty shall grant to DFS and its Affiliates a non-exclusive, perpetual, royalty-free licence to reproduce, distribute, display, perform and otherwise use its Intellectual Property, to the extent required to receive the full benefit of a Contract. <i>Trừ khi có thỏa thuận khác, Bên Đối Tác sẽ cấp cho DFS và các Công ty liên kết của DFS phép không độc quyền, vĩnh viễn, miễn phí bản quyền để tái sản xuất, phân phối, trưng bày, thể hiện và sử dụng Tài sản trí tuệ của mình, trong phạm vi cần thiết để nhận được đầy đủ lợi ích của Hợp đồng.</i> <u>For all Deliverables (including both Goods and Services supplied to DFS):</u> <u>Áp dụng đối với tất cả các Sản Phẩm Chuyển Giao (bao gồm cả Hàng hóa và Dịch vụ được cung cấp)</u> e) Subject to Section 12. f) and i), all Intellectual Property created by a Party during the term of a Contract shall vest unconditionally and immediately upon its creation with that Party. <i>Theo Mục 12. f) và i), tất cả Tài sản trí tuệ do một Bên tạo ra trong thời hạn của Hợp đồng sẽ được trao vô điều kiện và ngay lập tức khi được tạo ra cho Bên đó.</i> f) DFS may, from time to time, request the Counterparty to create/develop new Intellectual Property as a product or as part of a Contract, in which case the Counterparty: <i>Tùy từng thời điểm, DFS có thể yêu cầu Bên đối tác tạo / phát triển Tài sản trí tuệ mới như một sản phẩm hoặc như một phần của Hợp đồng, trong trường hợp đó Bên Đối Tác:</i> (i) acknowledges and agrees that all new Intellectual Property is created at the request, and for the benefit of DFS (on a commissioned / work-for-hire basis), and that DFS owns that Intellectual Property; and <i>xác nhận và đồng ý rằng tất cả Tài sản trí tuệ mới được tạo ra theo yêu cầu và vì lợi ích của DFS (trên cơ sở được ủy quyền / được thuê để làm) và DFS sở hữu Tài sản trí tuệ đó; và</i> (ii) shall do everything necessary or requested by DFS to enable it to own the new Intellectual Property, including formally assigning/procuring the assignment of all rights in the new Intellectual Property. Counterparty hereby irrevocably waives, and causes other necessary parties to irrevocably waive, any moral rights in and to such new Intellectual Property, which are not assignable to DFS under the governing law and consents, and causes other necessary parties to consent, to any act which amounts to an infringement of any such moral rights, in favour of DFS. Counterparty agrees to sign, and causes other necessary parties to sign, any documents as DFS may reasonably require in order to implement the terms of this Section. <i>sẽ làm mọi thứ cần thiết hoặc theo yêu cầu của DFS để cho phép DFS sở hữu Tài sản trí tuệ mới, bao gồm cả việc chính thức chuyển giao/ khiến cho việc chuyển giao được thực hiện đối với tất cả các quyền của Tài sản trí tuệ mới. Theo đây, đối tác từ bỏ không thể hủy ngang và khiến các bên cần thiết khác từ bỏ không thể hủy ngang, bất kỳ quyền nhân thân nào của và đối với Tài sản trí tuệ mới đó, mà các quyền đó không thể chuyển nhượng cho DFS theo luật điều chỉnh và sự chấp thuận, đồng thời khiến các bên cần thiết khác đồng ý, đối với bất kỳ hành động nào dẫn đến sự vi phạm bất kỳ quyền nhân thân nào như vậy, với ý kiến của DFS. Bên đối tác đồng ý ký và yêu cầu các bên cần thiết khác ký vào bất kỳ tài liệu nào mà DFS có thể yêu cầu một cách hợp lý để thực hiện các quy định tại Mục này.</i> <u>Services supplied as a Deliverable:</u>



Sản Phẩm Chuyển Giao là Dịch vụ được cung cấp:

- g) Unless otherwise agreed by the Parties in writing, the Parties acknowledge that it has no right, title or interest in or to the Intellectual Property nor to any goodwill relating to the other and agrees not to use each other's Intellectual Property for reasons other than in accordance with the terms of this Contract, or as may be expressly authorized by in writing, and shall not claim or acquire any right, title or interest of any kind therein or to any identical or confusingly similar rights by virtue of a Contract and/or its operations thereunder.

Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản, các Bên xác nhận rằng mình không có quyền, quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với hoặc đối với bất kỳ Tài sản trí tuệ cũng như uy tín liên quan đến bên kia và đồng ý không sử dụng Tài sản trí tuệ của nhau vì những lý do khác ngoài những lý do mà phù hợp với các điều khoản của Hợp đồng này, hoặc có thể được ủy quyền rõ ràng bằng văn bản, và sẽ không yêu cầu hoặc có được bất kỳ quyền, quyền sở hữu hoặc lợi ích nào dưới bất kỳ hình thức nào hoặc đối với bất kỳ quyền nào giống hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn theo tinh thần của Hợp đồng và/hoặc hoạt động kinh doanh của Bên đó.

- h) Where Counterparty, in the course of supplying a Deliverable, is required to make use of its own Intellectual Property to which the Parties have expressly agreed to not form part of the Works, Counterparty undertakes that:

Trong trường hợp Bên Đối Tác, trong quá trình cung cấp Sản Phẩm Chuyển Giao, được yêu cầu sử dụng Tài sản trí tuệ của riêng mình mà các Bên đã đồng ý rõ ràng để không tạo thành một phần của Sản phẩm, Bên Đối Tác cam kết rằng:

- (i) it is the sole and unencumbered owner of any such Intellectual Property and that none of its Intellectual Property nor the use thereof as contemplated under a Contract infringes the Intellectual Property of any third party;

Bên Đối Tác là chủ sở hữu duy nhất và không hạn chế của bất kỳ Tài sản trí tuệ nào như vậy và rằng không có Tài sản trí tuệ nào của Bên Đối Tác cũng như việc sử dụng Tài sản trí tuệ này như được dự tính theo Hợp đồng vi phạm Tài sản trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.

- (ii) it shall have given to DFS a perpetual, transferable, non-exclusive, royalty-free license to use such Intellectual Property in accordance to the terms of the Contract; and

Bên Đối Tác sẽ cấp cho DFS quyền sử dụng vĩnh viễn, có thể chuyển nhượng, không độc quyền, miễn phí bản quyền để sử dụng Tài sản trí tuệ đó theo các điều khoản của Hợp đồng; và

- (iii) it shall indemnify and keep DFS and its employees, affiliates and agents harmless from and against any liabilities, damages, losses, costs, expenses, proceedings, suits or other consequences arising from any allegation or claim that a third party's Intellectual Property or other right has been infringed by Counterparty's Intellectual Property and/or any part or use thereof under a Contract.

Bên Đối Tác sẽ bồi thường và giữ cho DFS và nhân viên, các công ty liên kết và đại lý của DFS vô hại khỏi và chống lại bất kỳ trách nhiệm pháp lý, thiệt hại, tổn thất, chi phí, chi phí, thủ tục tố tụng, vụ kiện hoặc các hậu quả khác phát sinh từ bất kỳ cáo buộc hoặc khiếu nại nào rằng Tài sản trí tuệ của bên thứ ba hoặc quyền khác đã bị vi phạm Tài sản trí tuệ của Bên Đối tác và/ hoặc bất kỳ phần nào hoặc việc sử dụng Tài sản trí tuệ này theo một Hợp đồng.

- i) Where a Deliverable is a Service requiring Counterparty to produce certain Works:

Nếu Sản Phẩm Chuyển Giao là Dịch Vụ yêu cầu Bên Đối Tác sản xuất các Sản phẩm nhất định:

- (i) Counterparty acknowledges and agrees that such Works shall vest unconditionally and immediately upon creation with DFS and constitute the sole property of DFS (unless otherwise agreed in writing by the Parties);

Bên Đối Tác xác nhận và đồng ý rằng các Sản phẩm đó sẽ trao vô điều kiện và ngay lập tức khi được tạo ra với DFS và tạo thành tài sản duy nhất của DFS (trừ khi các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản).

- (ii) If and to the extent that any Work is not automatically vested in DFS pursuant to Section 12 (i)(i), Counterparty shall promptly assign and transfer to DFS all rights, title and interest in and to the Works, including all copyright, trademark and other Intellectual Property relating to the Works, in all countries of the world, for any use, whether known or hereafter devised and to the maximum extent permitted by applicable law, waives, and agrees not to assert, moral rights in the Works which are not assignable to DFS under the governing law. Counterparty hereby irrevocably consents, and causes other necessary parties to consent, to any act which amounts to an infringement of any such moral rights, in favour of DFS. Counterparty agrees to sign, and causes other necessary parties to sign, any documents as DFS may reasonably require in order to implement the terms of this Section; and

Nếu và trong phạm vi cho phép bất kỳ Sản phẩm nào không được tự động trao cho DFS theo Mục 12 (i) (i), Bên Đối Tác sẽ nhanh chóng chuyển nhượng và chuyển giao cho DFS tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với và đối với Sản phẩm, bao gồm tất cả bản quyền, nhãn hiệu và các Tài sản trí tuệ khác liên quan đến Sản phẩm, ở tất cả các quốc gia trên thế giới, cho bất kỳ mục đích sử dụng nào, cho dù đã được biết đến đã được phát minh theo đó và trong phạm vi tối đa được luật hiện hành cho phép, từ bỏ và đồng ý không đòi hỏi, các quyền nhân thân đối với Các Sản phẩm mà không thể chuyển giao được cho DFS theo luật quản lý. Theo đây, Bên Đối Tác đồng ý không thể hủy ngang và khiến các bên cần thiết khác đồng ý đối với bất kỳ hành động nào dẫn đến vi phạm bất kỳ quyền nhân thân nào như vậy, đối với DFS. Bên Đối Tác đồng ý ký và yêu cầu các bên cần thiết khác ký bất kỳ tài liệu nào mà DFS có thể yêu cầu một cách hợp lý để thực hiện các quy định của Phần này; và

- (iii) upon DFS's request, Counterparty shall sign and deliver to DFS any documents or instruments relating to the Works to evidence or confirm such assignment and transfer to and ownership by DFS.

Theo yêu cầu của DFS, Bên Đối Tác sẽ ký và chuyển cho DFS bất kỳ tài liệu hoặc công cụ nào liên quan đến Sản Phẩm để làm bằng chứng hoặc xác nhận việc chuyển nhượng và chuyển giao và quyền sở hữu đó bởi DFS.



13. CHANGE REQUEST THAY ĐỔI YÊU CẦU	a) The Parties acknowledge that DFS shall be entitled at any time, to issue written change orders and/or addendums to vary any part of the Deliverables to be supplied to DFS. <i>Các Bên xác nhận rằng DFS tại bất kỳ thời điểm nào sẽ được quyền đưa ra các yêu cầu thay đổi bằng văn bản và / hoặc các phụ lục để thay đổi bất kỳ phần nào của Sản Phẩm Chuyển Giao nào được cung cấp cho DFS.</i> b) Where a change order and/or addendum is issued by DFS, the Counterparty shall advise DFS on any time and/or cost implications that may result from such order within such time as may be allowed by DFS under the form. <i>Khi DFS đưa ra yêu cầu thay đổi và / hoặc phụ lục thay đổi, Bên Đối Tác sẽ thông báo cho DFS về bất kỳ thời gian và / hoặc chi phí có thể phát sinh mà có thể là kết quả của việc yêu cầu thay đổi trong thời gian mà có thể được DFS cho phép theo hình thức nhất định.</i> c) DFS shall pay the Counterparty for any such variation, and the amount payable shall be agreed to by the Parties, failing which, subject to such adjustment as DFS may consider reasonable, the applicable cost of at prevailing industry rates. <i>DFS sẽ thanh toán cho Bên Đối Tác cho bất kỳ sự thay đổi nào như vậy và số tiền phải trả sẽ được Các Bên đồng ý, nếu không có sự điều chỉnh mà DFS có thể coi là hợp lý thì chi phí áp dụng theo mức giá hiện hành trong lĩnh vực đó.</i>
14. TERMINATION CHẤM DỨT	a) Either Party may terminate a Contract immediately by written notice to the other: <i>Mỗi Bên có thể chấm dứt một Hợp Đồng ngay lập tức bằng việc gửi thông báo bằng văn bản đến Bên kia:</i> (i) if the other Party commits a material breach of the relevant Contract which cannot be cured within fourteen (14) days or causes irreparable harm to the non-breaching Party <i>nếu Bên còn lại đó vi phạm cơ bản Hợp đồng liên quan mà không thể khắc phục trong vòng mười bốn (14) ngày kể từ ngày hoặc gây ra thiệt hại không thể khắc phục được cho Bên không vi phạm.</i> (ii) if the other Party becomes insolvent, makes a general assignment for the benefit of creditors; files or suffers the filing against it of any petition for relief under bankruptcy, dissolution or similar laws providing for debtors' relief; or becomes subject to any attachment, execution or other judicial seizure of, or affecting the properties or assets of such Party which may materially adversely affect the ability of such party to perform its obligations under the Contract; and/or <i>nếu Bên kia mất khả năng thanh toán, thực hiện chuyển giao toàn bộ vì lợi ích của các chủ nợ; nộp đơn hoặc bị nộp đơn chống lại Bên đó đối với bất kỳ đơn yêu cầu phá sản nào theo luật phá sản, giải thể hoặc các luật tương tự quy định về việc yêu cầu phá sản; hoặc trở thành đối tượng của bất kỳ sự ràng buộc, thi hành hoặc thu giữ tư pháp nào khác hoặc ảnh hưởng đến bất động sản hoặc tài sản của Bên đó mà có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng của bên đó trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng; và / hoặc</i> (iii) where the Force Majeure Event has continued for thirty (30) days, pursuant to Section 25 below. <i>Khi Sự kiện bất khả kháng đã xảy ra liên tục ba mươi (30) ngày như được quy định tại Mục 25 dưới đây.</i> b) DFS may terminate any and all Contracts as entered into by the Parties, without cause at any time by serving written notice of termination to Counterparty thirty (30) days in advance. For purposes of determining Fees (if any) due upon termination, Fees shall be deemed to be earned by Counterparty only if and to the extent the Deliverables have been actually completed and accepted by DFS. No termination under this Section shall give rise to any claim for damages or other compensation, but no such termination shall terminate or otherwise affect any right of either Party accruing prior to the effective date of such termination, or the right of either Party to recover damages for the breach of the relevant Contract. <i>DFS có thể chấm dứt bất kỳ và tất cả các Hợp đồng mà các Bên đã ký kết mà không cần phải có nguyên nhân nào vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt cho Bên đối tác trước ba mươi (30) ngày. Nhằm mục đích xác định Phí (nếu có) vào thời điểm chấm dứt, Bên Đối Tác sẽ chỉ được coi là được trả Phí nếu và trong phạm vi các Sản phẩm chuyển giao đã được thực sự hoàn thành và được DFS chấp nhận. Việc chấm dứt theo Mục này sẽ không làm phát sinh bất kỳ yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc các khoản bồi thường khác, nhưng không có việc chấm dứt nào như vậy sẽ chấm dứt hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền nào của một trong hai Bên đã có trước ngày có hiệu lực của việc chấm dứt đó hoặc quyền của mỗi Bên trong việc khôi phục thiệt hại do vi phạm Hợp đồng có liên quan.</i>
15. CONSEQUENCES OF TERMINATION HỆ QUẢ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG	a) Upon an event of early termination of a Contract under Section 14 above, all unfulfilled Contracts which the Parties may have entered into, are deemed terminated without liability on DFS' part unless otherwise agreed by the Parties in writing. <i>Trong trường hợp chấm dứt sớm Hợp đồng theo Mục 14 ở trên, tất cả các Hợp đồng chưa hoàn thành mà các Bên có thể đã ký kết, được coi là chấm dứt mà không có trách nhiệm pháp lý về phía DFS trừ khi các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.</i> b) Where DFS terminates a Contract under Section 14(a) and notwithstanding any rights and/or remedies which may be available to DFS, Counterparty agrees to remit any and all advance payments which may have been made by DFS to Counterparty as a condition of DFS entering into a Contract. <i>Khi DFS chấm dứt Hợp đồng theo Mục 14 (a) và bất kể mọi quyền và/hoặc biện pháp khắc phục có thể được áp dụng bởi DFS, Bên Đối Tác đồng ý hoàn trả lại bất kỳ và tất cả các khoản thanh toán tạm ứng mà có thể đã được DFS thanh toán hoặc ứng trước cho Bên Đối Tác như một điều kiện của DFS để ký kết một Hợp đồng.</i> c) In the event that a Contract is terminated for any reason, Counterparty shall comply with all reasonable instructions from DFS with regard to termination and transition to DFS or another service provider and take such other steps as are necessary to mitigate any costs incurred by the termination or such transition. <i>Trong trường hợp một Hợp đồng bị chấm dứt vì bất kỳ lý do gì, Bên Đối Tác sẽ tuân thủ tất cả các hướng dẫn hợp lý từ DFS liên quan đến việc chấm dứt và chuyển giao cho DFS hoặc nhà cung cấp dịch vụ khác và thực hiện các bước khác cần thiết để giảm thiểu mọi chi phí phát sinh từ chấm dứt hoặc chuyển giao như vậy.</i>



16. CONFIDENTIALITY BẢO MẬT	a) The receiving Party agrees: <i>Bên nhận thông tin đồng ý:</i> (i) not to use any Confidential Information for any purpose other than to carry out its performance of this Contract; <i>không sử dụng bất kỳ Thông tin bảo mật nào cho bất kể mục đích nào khác ngoài việc để thực hiện Hợp Đồng này;</i> (ii) not to disclose or permit the disclosure of any Confidential Information to any party, other than its Representatives on a need-to-know basis only; <i>không tiết lộ hoặc cho phép tiết lộ bất kỳ Thông tin bảo mật nào cho bất kỳ bên nào, ngoài Người đại diện của bên đó chỉ trên cơ sở cần biết;</i> (iii) to advise its Representatives of the confidential nature of such Confidential Information and require them to observe the terms of this Contract and be responsible for any actions of its Representatives; <i>Thông báo cho Người đại diện của mình về bản chất bí mật của Thông tin bảo mật đó và yêu cầu họ tuân theo các điều khoản của Hợp đồng này và chịu trách nhiệm về bất kỳ hành động nào của Người đại diện của mình;</i> (iv) to take reasonable measures to protect the secrecy of and to avoid unauthorized disclosure or use of Confidential Information; and <i>thực hiện các biện pháp hợp lý để bảo vệ bí mật và tránh tiết lộ hoặc sử dụng trái phép Thông tin bảo mật; và</i> (v) to notify the disclosing Party as soon as practicable in writing of any unauthorized disclosure of the Confidential Information by the receiving Party or its Representatives. <i>thông báo cho Bên tiết lộ càng sớm càng tốt bằng văn bản về bất kỳ hành vi tiết lộ trái phép Thông tin Bảo mật nào bởi Bên nhận hoặc Đại diện của Bên nhận.</i> b) The receiving Party may disclose the disclosing Party's Confidential Information to the minimum extent required by applicable law, or pursuant to an order of any court of competent jurisdiction or any regulatory, judicial, governmental or similar body or any taxation authority of competent jurisdiction. Before the receiving Party discloses any of the disclosing Party's Confidential Information pursuant to this clause, it shall, to the extent permitted by law, use all reasonable endeavours to give the disclosing Party as much notice of this disclosure as possible. Where notice of such disclosure is not prohibited and is given as aforesaid, the receiving Party shall take into account the reasonable requests of the disclosing Party in relation to the content of this disclosure. If the receiving Party is unable to inform the disclosing Party before the disclosing Party's Confidential Information is disclosed pursuant to this clause, it shall, to the extent permitted by law, inform the disclosing Party of the full circumstances of the disclosure and the information that has been disclosed as soon as reasonably practicable after such disclosure has been made. <i>Bên nhận có thể tiết lộ Thông tin bảo mật của Bên tiết lộ ở mức độ tối thiểu theo yêu cầu của luật hiện hành hoặc theo lệnh của bất kỳ tòa án có thẩm quyền nào hoặc bất kỳ cơ quan quản lý, tư pháp, chính phủ hoặc cơ quan tương tự nào hoặc bất kỳ cơ quan thuế nào có thẩm quyền. Trước khi Bên nhận tiết lộ bất kỳ Thông tin bảo mật nào của Bên tiết lộ theo điều khoản này, trong phạm vi được pháp luật cho phép, Bên nhận tiết lộ sẽ sử dụng tất cả các nỗ lực hợp lý để cung cấp cho Bên tiết lộ càng nhiều thông báo về việc phải tiết lộ thông tin này càng tốt. Trong trường hợp thông báo về việc tiết lộ như vậy không bị cấm và được đưa ra như đã nói ở trên, Bên nhận phải xem xét các yêu cầu hợp lý của Bên tiết lộ liên quan đến nội dung của việc tiết lộ này. Nếu Bên nhận không thể thông báo cho Bên tiết lộ trước khi Thông tin bảo mật của Bên tiết lộ được tiết lộ theo điều khoản này, trong phạm vi được pháp luật cho phép, Bên nhận tiết lộ sẽ thông báo cho Bên tiết lộ toàn bộ tình trạng phải tiết lộ và thông tin đã phải tiết lộ càng sớm càng tốt sau khi việc tiết lộ đó đã được thực hiện.</i> c) Neither Party shall make any announcement in relation to any Contract nor shall it otherwise publicize its existence or its contents, or the existence of the negotiations between the Parties in relation to it, unless otherwise agreed by the Parties in writing. <i>Không Bên nào được đưa ra bất kỳ thông báo nào liên quan đến bất kỳ Hợp đồng nào cũng như không được công khai sự tồn tại hoặc nội dung của Hợp đồng, hoặc sự tồn tại của các cuộc đàm phán giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng, trừ khi các Bên đồng ý khác bằng văn bản.</i> d) The confidentiality obligations of each Party shall survive and continue for a period of three (3) years from the expiry or earlier termination of this Contract. <i>Các nghĩa vụ bảo mật của mỗi Bên sẽ tồn tại và tiếp tục trong khoảng thời gian ba (3) năm kể từ khi Hợp đồng này hết hạn của Hợp đồng hoặc trong trường hợp Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn.</i>
--	---



17. INDEMNITY BỒI THƯỜNG	a) Each Party hereby agrees to defend, indemnify and hold the other and its officers, directors, agents and employees, harmless from and against any claims, actions, losses, damages and liabilities (including, but not limited to, reasonable legal fees and court costs, but excluding consequential damages) on account of any claim by a third party for bodily injury, death and/or property damage against the indemnified Party to the extent caused by the negligent act or omission, or willful misconduct of, or breach of a Contract by, the indemnifying Party or the indemnifying Party's employees, contractors, subcontractors or agents, in connection with the performance of their respective obligations under a Contract. <i>Mỗi Bên đồng ý bảo vệ, bồi thường và giữ cho bên kia và các cán bộ, giám đốc, đại lý và nhân viên của bên đó, không bị tổn hại trước và chống lại bất kỳ khiếu nại, hành động, tổn thất, thiệt hại và trách nhiệm pháp lý nào (bao gồm, nhưng không giới hạn, phí pháp lý hợp lý và chi phí tòa án, nhưng không bao gồm các thiệt hại do hậu quả) dựa trên bất kỳ yêu cầu nào của bên thứ ba về thương tật, tử vong và / hoặc thiệt hại tài sản đối với Bên được bồi thường trong phạm vi gây ra bởi hành động cấu tạo hoặc thiếu sót, hoặc hành vi sai trái cố ý hoặc vi phạm Hợp đồng của Bên bồi thường hoặc nhân viên, nhà thầu, nhà thầu phụ hoặc đại lý của Bên bồi thường, liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của họ theo Hợp đồng.</i> b) Notwithstanding any other term of this Contract, Counterparty shall indemnify, defend and hold harmless DFS against any and all losses, liabilities, damages, costs, expenses, demands that DFS may or will incur or suffer as a result of defending or settling any actual or threatened claim or proceedings, arising out of or in connection with: <i>Bất kể các quy định khác của Hợp đồng này, Bên Đối Tác sẽ bồi thường, bảo vệ và giữ cho DFS vô hại trước bất kỳ và tất cả các tổn thất, trách nhiệm pháp lý, thiệt hại, chi phí, chi phí, các yêu cầu mà DFS có thể hoặc sẽ gánh chịu hoặc gánh chịu do việc bảo vệ hoặc giải quyết bất kỳ yêu cầu hoặc thủ tục tố tụng thực tế hoặc bị đe dọa, phát sinh từ hoặc liên quan đến:</i> (i) an act or order of any governmental, judicial or other authority including any and all duties, taxes, levies, deposits and outlays of whatsoever nature levied by any authority; <i>một hành động hoặc lệnh của bất kỳ cơ quan chính phủ, tư pháp hoặc cơ quan nào khác bao gồm bất kỳ và tất cả các nghĩa phí, thuế, lệ phí, tiền đặt cọc và các khoản chi tiêu thuộc bất kỳ bản chất nào mà bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào thu.</i> (ii) Counterparty's non-compliance with applicable laws; <i>Việc không tuân thủ luật hiện hành của Bên Đối Tác;</i> (iii) any breach or failure of Counterparty to perform an obligation or warranty under this Agreement; <i>bất kỳ hành vi vi phạm hoặc không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết nào của Bên đối tác theo Thỏa thuận này;</i> (iv) any inherent defects/vice of the Deliverables; <i>bất kỳ khiếm khuyết / sai sót nào của Sản Phẩm Chuyển giao;</i> (v) as regards Services, any claims brought against DFS by the Counterparty's personnel; and <i>liên quan đến Dịch vụ, bất kỳ khiếu nại nào chống lại DFS bởi nhân sự của Bên Đối Tác; và</i> (vi) Counterparty's fraud, gross negligence or willful misconduct. <i>Gian lận, sơ suất hoặc cố ý của Bên Đối Tác.</i>
18. LIMITATION OF LIABILITY GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM	a) Unless otherwise agreed by the Parties in writing, Counterparty expressly waives any limitation of liability which may appear in any of the documentation that Counterparty has incorporated in the course of carrying out a Contract. <i>Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản, Bên Đối Tác từ bỏ rõ ràng mọi giới hạn trách nhiệm có thể xuất hiện trong bất kỳ tài liệu nào mà Bên đối tác đã đưa vào trong quá trình thực hiện Hợp đồng.</i> b) To the maximum extent permitted by applicable laws, notwithstanding any provisions which may indicate otherwise, neither Party shall be liable to the other for any special, consequential, incidental, punitive or indirect damages arising from or relating to any breach of a Contract regardless of any notices given by a Party to other on such damages. <i>Trong phạm vi tối đa được pháp luật hiện hành cho phép, mặc dù có bất kỳ điều khoản nào có thể quy định khác, không Bên nào sẽ chịu trách nhiệm với Bên kia về bất kỳ thiệt hại đặc biệt, do hậu quả, ngẫu nhiên, trừng phạt hoặc gián tiếp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ hành vi vi phạm Hợp đồng nào bất kể về bất kỳ thông báo nào do một Bên đưa ra cho bên còn lại về những thiệt hại đó.</i> c) The Fees payable by DFS to Counterparty under a Contract represents the maximum extent of liability which DFS shall be responsible (if applicable) to Counterparty under that Contract and to the maximum extent permissible by applicable law. <i>Các khoản phí mà DFS phải trả cho Bên đối Tác theo Hợp đồng thể hiện mức độ trách nhiệm tối đa mà DFS sẽ chịu trách nhiệm (nếu có) đối với Bên đối tác theo Hợp đồng đó và trong phạm vi tối đa cho phép của luật hiện hành.</i>



19. INSURANCE BẢO HIỂM	a) Without affecting any other obligation and liability of Counterparty under a Contract, Counterparty shall affect and maintain at its own cost insurance policies with the following coverage by insurance companies rated at least "A -, VIII" with AM Best, or equivalent rating service. <i>Không ảnh hưởng đến bất kỳ nghĩa vụ và trách nhiệm nào khác của Bên Đối Tác theo Hợp đồng, Bên đối tác mua và duy trì các hợp đồng bảo hiểm bằng chi phí của riêng mình với phạm vi bảo hiểm sau đây của các công ty bảo hiểm được xếp hạng ít nhất là "A -, VIII" theo xếp hạng của AM Best hoặc dịch vụ xếp hạng tương đương.</i> b) Material Damage (All Risks) covering physical loss or damage to the services and Counterparty's property arising out of the execution of the services. <i>Thiệt hại Vật chất (Tất cả Rủi ro) bao gồm tổn thất hoặc thiệt hại vật chất đối với các dịch vụ và tài sản của Bên Đối Tác phát sinh từ việc thực hiện các dịch vụ.</i> c) Commercial General Liability covering Counterparty's legal liability in respect of third parties' property damage and third parties' death and/or bodily injury arising out of the execution of the product and services under the relevant Contract. The policy must be issued in the joint names of Counterparty and DFS as additional insured. The policy must have a cross liability clause, employer's property coverage and waiver of subrogation against the employer clause and shall provide coverage of not less than US\$2,000,000 in respect of any one accident and must be unlimited during the period of coverage. <i>Trách nhiệm toàn diện về trách nhiệm thương mại bao gồm trách nhiệm pháp lý của Bên Đối Tác liên quan đến thiệt hại tài sản của bên thứ ba và tử vong và/hoặc thương tật của bên thứ ba phát sinh từ việc thực hiện sản phẩm và dịch vụ theo Hợp đồng liên quan. Hợp đồng bảo hiểm phải được phát hành dưới tên chung của Bên Đối Tác và DFS như được bảo hiểm bổ sung. Hợp đồng bảo hiểm phải có điều khoản trách nhiệm chéo, bảo hiểm tài sản của người sử dụng lao động và từ bỏ điều khoản của người sử dụng lao động và sẽ cung cấp bảo hiểm không dưới 2.000.000 Đô la Mỹ đối với bất kỳ tai nạn nào và phải không giới hạn trong thời gian bảo hiểm.</i> d) Employees' Compensation coverage required by applicable law covering all claims and liability whatsoever in respect of personal injury to or death of any employee of Counterparty and any sub-contractor, or other persons who may be employed, engaged, or appointed by Counterparty and its sub-contractor to provide services under the relevant Contract. Where possible, the policy must be issued in the joint names of Counterparty and DFS as Principal Employer under the relevant Contract. <i>Phạm vi bồi thường cho nhân viên theo yêu cầu của luật hiện hành bao gồm tất cả các khiếu nại và trách nhiệm pháp lý liên quan đến thương tích cá nhân hoặc tử vong của bất kỳ nhân viên nào của Bên Đối tác và bất kỳ nhà thầu phụ nào, hoặc những người khác có thể được Bên Đối Tác tuyển dụng, tham gia hoặc chỉ định và nhà thầu phụ của mình để cung cấp các dịch vụ theo Hợp đồng có liên quan. Nếu có thể, hợp đồng bảo hiểm phải được ban hành dưới tên chung của Bên Đối tác và DFS với tư cách là Bên sử dụng lao động chính theo Hợp đồng liên quan.</i> e) Technical Errors & Omissions Liability Insurance (Professional Liability) covering the Counterparty's errors and/or omissions. The policy shall have a minimum limit of US\$5,000,000. In the event that the E&O coverage required by the relevant Contract is written on a claims-made basis, the Counterparty warrants that any retroactive date under the policy shall precede the effective date of the relevant Contract. This policy should be maintained for a minimum of one year after the completion of the project. <i>Bảo hiểm trách nhiệm về lỗi kỹ thuật & thiếu sót (Trách nhiệm nghề nghiệp) bao gồm các lỗi và / hoặc thiếu sót của Bên Đối Tác. Hợp đồng bảo hiểm sẽ phải có hạn mức bảo hiểm tối thiểu là 5.000.000 đô la Mỹ. Trong trường hợp phạm vi bảo hiểm E&O theo yêu cầu của Hợp đồng liên quan được quy định trên cơ sở một yêu cầu bồi thường, Bên Đối Tác đảm bảo rằng bất kỳ ngày hồi tố nào của hợp đồng bảo hiểm sẽ phải là trước ngày có hiệu lực của Hợp đồng liên quan. Hợp đồng bảo hiểm này phải được duy trì trong tối thiểu một năm sau khi hoàn thành dự án.</i> f) Cyber Liability Insurance, with limits not less than US\$5,000,000 in aggregate. Coverage shall be sufficient to respond to the obligations and obligations as is undertaken by the Counterparty in the relevant Contract and shall include, but not limited to, claims involving infringement of intellectual property, including but not limited to infringement of copyright, trademark, trade dress, invasion of privacy violations, information theft, damage to or destruction of electronic information, release of private information, alteration of electronic information, extortion and network security. The policy shall provide coverage for breach response costs as well as regulatory fines and penalties as well as credit monitoring expenses with limits sufficient to respond to these obligations. <i>Bảo hiểm trách nhiệm dữ liệu và an ninh mạng, với mức giới hạn bảo hiểm tổng cộng không dưới 5.000.000 đô la Mỹ. Phạm vi bảo hiểm sẽ đủ để đáp ứng các nghĩa vụ và nghĩa vụ do Bên đối tác cam kết trong Hợp đồng liên quan và sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các khiếu nại liên quan đến vi phạm sở hữu trí tuệ, bao gồm nhưng không giới hạn ở vi phạm bản quyền, nhãn hiệu, thương mại, xâm phạm vi phạm quyền riêng tư, đánh cắp thông tin, làm hỏng hoặc phá hủy thông tin điện tử, tung thông tin cá nhân, thay đổi thông tin điện tử, tống tiền và an ninh mạng. Hợp đồng bảo hiểm sẽ phải bao gồm phạm vi bảo hiểm cho các chi phí ứng phó vi phạm cũng như các khoản tiền phạt vi phạm và tiền phạt theo quy định của pháp luật cũng như chi phí giám sát tín dụng với các giới hạn đủ để đáp ứng các nghĩa vụ này.</i> g) For construction, renovation, installation, maintenance or any other works that Counterparty is required to conduct works on a DFS site: <i>Đối với việc xây dựng, cải tạo, lắp đặt, bảo trì và các công việc khác mà Bên Đối Tác được yêu cầu thực hiện các công việc đó tại địa điểm của DFS:</i> (i) Contractor's All Risks insurance up to the gross contract value covering loss of or damage to the works, including plant and materials and temporary buildings whilst on the site, in transit or storage. <i>Bảo hiểm Mọi Rủi ro của Nhà thầu lên đến tổng giá trị hợp đồng trước thuế bảo hiểm cho những mất mát hoặc hư hỏng đối với công trình, bao gồm cả nhà máy và vật liệu cũng như các công trình tạm thời trên công trường, trong quá trình vận chuyển hoặc lưu kho.</i> (ii) Third party liability insurance covering the liability of the parties for accidental injury to persons or accidental loss of or damage to property arising out of the execution of the works on site. Such insurance should remain in force during the period of erection and testing until the date of issue of the defects Correction Certificate and shall be for an indemnity of not less than US\$3,000,000.
--	---



	Bảo hiểm trách nhiệm của bên thứ ba bảo hiểm cho trách nhiệm của các bên đối với thương tật do tai nạn cho con người hoặc mất mát hoặc hư hỏng do tai nạn đối với tài sản phát sinh từ việc thực hiện các công việc trên công trường. Bảo hiểm như vậy sẽ có hiệu lực trong thời gian lắp dựng và thử nghiệm cho đến ngày cấp Giấy chứng nhận sửa chữa khuyết tật và sẽ có giá trị bồi thường không dưới 3.000.000 Đô la Mỹ. h) It is Counterparty's obligation to take responsibility for policy deductibles arising from loss or damage caused by the actions or inaction of the Counterparty and/or its subcontractors, except for loss or damage arising from actions of DFS. <i>Bên Đối tác có nghĩa vụ chịu trách nhiệm đối với các miễn trừ bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm phát sinh từ mất mát hoặc thiệt hại do hành động hoặc việc không hành động của Bên Đối Tác và / hoặc các nhà thầu phụ của Bên Đối Tác, ngoại trừ mất mát hoặc thiệt hại phát sinh từ các hành động của DFS.</i> i) Counterparty must provide DFS with certificates of insurance of the above policies before starting work under this Contract and keep the policies current throughout the term of this Contract. <i>Bên Đối Tác phải cung cấp cho DFS giấy chứng nhận bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm nêu trên trước khi bắt đầu công việc theo Hợp đồng này và duy trì các chính sách hiện hành trong suốt thời hạn của Hợp đồng này.</i> j) Counterparty shall deliver to DFS a certificate of insurance evidencing the required coverage, which names DFS as an additional insured on all policies where possible, and which provides that DFS shall receive at least 30 days' written notice of any cancellation or material modification of the coverage certified in the certificate. The certificate shall also state that the insurance evidenced thereby is primary and not contributory with any coverage that DFS may have. The required limits of insurance do not in any way limit Counterparty's liability in the event of a claim. <i>Bên Đối Tác sẽ chuyển cho DFS giấy chứng nhận bảo hiểm chứng minh phạm vi bảo hiểm được yêu cầu, trong đó DFS là đối tượng được bảo hiểm bổ sung trên tất cả các hợp đồng nếu có thể, và trong đó DFS sẽ nhận được thông báo bằng văn bản ít nhất 30 ngày về bất kỳ sự hủy bỏ hoặc sửa đổi quan trọng nào của phạm vi bảo hiểm được chứng nhận trong chứng chỉ. Giấy chứng nhận cũng phải nêu rõ rằng bảo hiểm được chứng minh là chính và không gộp với bất kỳ bảo hiểm nào mà DFS có thể có. Các giới hạn bảo hiểm bắt buộc không giới hạn trách nhiệm của Bên Đối Tác trong trường hợp có khiếu nại.</i> k) In the event Counterparty fails to keep in effect at all times the specified insurance coverage, DFS may, in addition to any other remedies it may have, terminate the contract upon the occurrence of such event, subject to the provisions of the contract. <i>Trong trường hợp Bên Đối Tác không duy trì hiệu lực tại mọi thời điểm phạm vi bảo hiểm đã chỉ định, DFS có thể, ngoài các biện pháp khắc phục khác mà DFS có thể áp dụng, có thể chấm dứt hợp đồng khi xảy ra sự kiện đó, tùy thuộc vào các quy định của hợp đồng.</i>
20. ASSIGNMENT CHUYỂN GIAO	a) DFS may assign, transfer, sub-contract and/or delegate its rights and/or obligations under a Contract or any part thereof, to a third party by way of notice to Counterparty in writing. <i>DFS có thể chuyển giao, chuyển nhượng, ký hợp đồng phụ và / hoặc ủy quyền các quyền và / hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng hoặc bất kỳ phần nào của Hợp đồng cho bên thứ ba bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên Đối Tác.</i> b) Counterparty may only assign, transfer, sub-contract and/or delegate its rights and/or obligations under a Contract or any part thereof with the expressed written consent of DFS. <i>Bên Đối Tác chỉ có thể chuyển giao, chuyển nhượng, ký hợp đồng phụ và / hoặc ủy quyền các quyền và / hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng hoặc bất kỳ phần nào của Hợp đồng với sự đồng ý rõ ràng bằng văn bản của DFS.</i>
21. TAXES THUẾ	a) DFS is not liable for any taxes that Counterparty is legally obligated to pay, including net income or gross receipts taxes, franchise taxes, and property taxes. DFS will pay Counterparty any sales tax, or value-added taxes it owes for the performing the Deliverables and which applicable law requires Counterparty to collect from DFS. <i>DFS không chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ khoản thuế nào mà Bên Đối Tác có nghĩa vụ phải trả về mặt pháp lý, bao gồm thuế thu nhập ròng hoặc thuế trên tổng doanh thu, thuế nhượng quyền và thuế tài sản. DFS sẽ thanh toán cho Bên Đối Tác bất kỳ khoản thuế bán hàng hoặc thuế giá trị gia tăng nào mà Bên đối tác phải nộp để thực hiện các Sản Phẩm Chuyển Giao và các khoản thuế pháp luật hiện hành yêu cầu Bên Đối Tác thu từ DFS.</i> b) Other applicable charges such as shipping costs, duties, customs, tariffs, imposts, and government-imposed surcharges shall be stated separately on Counterparty's invoice. <i>Các khoản phí áp dụng khác như chi phí vận chuyển, thuế, hải quan, thuế quan, thuế nhập khẩu và phụ phí do chính phủ áp dụng sẽ được nêu riêng trong hóa đơn của Bên Đối Tác.</i>
22. NO CONFLICT OF INTEREST KHÔNG XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	Counterparty confirms that except as disclosed in writing by Counterparty to DFS, (a) no principal, employee, officer or director of Counterparty, or any of their immediate family members work for, or represent or act in any capacity for, DFS or any of its affiliated DFS Group companies, and (b) no DFS Group officer, director or employee, or any member of their immediate families controls or have a 5% or greater ownership interest in Counterparty, and (c) no DFS Group officer, director or employee, or any member of their immediate families is also an officer, director or employee of Counterparty. <i>Bên Đối Tác xác nhận rằng ngoại trừ được Bên Đối Tác tiết lộ bằng văn bản cho DFS, (a) không có bên được ủy quyền, nhân viên, viên chức hoặc giám đốc nào của Bên Đối Tác, hoặc bất kỳ thành viên gia đình trực tiếp nào của họ làm việc hoặc đại diện hoặc hành động với bất kỳ tư cách nào đối với DFS hoặc bất kỳ Các công ty liên kết thuộc Tập đoàn DFS, và (b) không có viên chức, giám đốc hoặc nhân viên của Tập đoàn DFS nào hoặc bất kỳ thành viên nào trong gia đình trực hệ của họ kiểm soát hoặc có quyền sở hữu từ 5% trở lên trong Bên Đối Tác và (c) không có nhân viên, giám đốc hoặc nhân viên của Tập đoàn DFS nhân viên, hoặc bất kỳ thành viên nào trong gia đình trực hệ của họ cũng là viên chức, giám đốc hoặc nhân viên của Bên Đối Tác.</i>



23. NON-COMPETE KHÔNG CẠNH TRANH	To the maximum extent permitted by applicable laws, during the term of a Contract and for 2 years after the expiration or its sooner termination, Counterparty agrees that it shall under no circumstance whether directly or indirectly through its affiliates, agents, contractors - discuss, consult, advise, disclose, engage and/or otherwise enter into an agreement to design, build-out, and/or implement any application which is the same, remotely similar to and/or related to Deliverable with any third-party who is in the same or similar industry as DFS. Counterparty acknowledges that damages alone would not be an adequate remedy for the breach of this provision and accordingly, without prejudice to any other rights and remedies it may have, DFS shall be entitled to the granting of equitable relief (including without limitation injunctive relief) concerning any threatened or actual breach of this provision. <i>Trong phạm vi tối đa cho phép của luật hiện hành, trong thời hạn của Hợp đồng và trong 2 năm sau khi hết hạn hoặc chấm dứt sớm hơn, Bên Đối Tác đồng ý rằng trong bất kỳ trường hợp nào, dù trực tiếp hay gián tiếp thông qua các công ty liên kết, đại lý, nhà thầu của mình - thảo luận, tham khảo ý kiến, tư vấn, tiết lộ, tham gia và/hoặc tham gia vào một thỏa thuận để thiết kế, phát triển và /hoặc triển khai bất kỳ ứng dụng nào mà giống với, gần giống với và/hoặc liên quan đến Sản Phẩm Chuyển Giao với bất kỳ bên thứ ba nào trong cùng ngành hoặc lĩnh vực kinh doanh tương tự như DFS. Bên Đối Tác đồng ý rằng chỉ riêng khoản tiền bồi thường thiệt hại sẽ không được xem là khoản bồi thường thiệt hại đầy đủ cho việc vi phạm điều khoản này và theo đó, DFS sẽ có quyền yêu cầu biện pháp xử lý thỏa đáng (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các biện pháp khẩn cấp tạm thời) liên quan đến bất kỳ hành vi đe dọa vi phạm nào hoặc vi phạm thực tế đối với điều khoản này.</i>
24. COUNTERPARTY COMPLIANCE VIỆC TUÂN THỦ CỦA BÊN ĐỐI TÁC	a) Counterparty, in the course of carrying out a Contract, agrees to comply with the following: <i>Bên Đối Tác, trong quá trình thực hiện một Hợp đồng, đồng ý tuân thủ như sau:</i> (i) DFS' Counterparty Code of Conduct accessible at http://www.dfsgops.com/tc/en/DFS_BP_CoC.pdf <i>Quy Tắc Ứng Xử áp dụng với Đối Tác của DFS mà có thể truy cập tại http://www.dfsgops.com/tc/en/DFS_BP_CoC.pdf</i> (ii) DFS' Counterparty Anti-Corruption Policy accessible at http://www.dfsgops.com/tc/en/DFS_BP_ACP.pdf <i>Chính sách phòng chống tham nhũng áp dụng đối với Đối Tác của DFS mà có thể truy cập tại http://www.dfsgops.com/tc/en/DFS_BP_ACP.pdf</i> (iii) Data Security and Privacy Requirements accessible at http://www.dfsgops.com/tc/en/DFS_BP_DP.pdf <i>Các yêu cầu về bảo đảm an toàn và bảo mật dữ liệu mà có thể truy cập tại http://www.dfsgops.com/tc/en/DFS_BP_DP.pdf</i>
25. FORCE MAJEURE SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG	Neither Party shall be liable for any failure to comply with its obligations hereunder if such failure is due to a Force Majeure Event. Should a Force Majeure Event subsist for a period of 30 days or more, either Party shall, without liability, be entitled to terminate a Contract immediately by way of a written notice 7 days in advance. <i>Không Bên nào phải chịu trách nhiệm về việc không tuân thủ các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng nếu việc không tuân thủ đó là do Sự Kiện Bất Khả Kháng. Nếu Sự Kiện Bất Khả Kháng tồn tại trong khoảng thời gian từ 30 ngày trở lên, một trong hai Bên, không chịu trách nhiệm pháp lý, có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách thông báo bằng văn bản trước 7 ngày.</i>
26. RIGHT OF SET-OFF QUYỀN BÙ TRỪ THANH TOÁN	a) To the maximum extent permitted by applicable law, DFS shall have the right to deduct from and set off: <i>Trong phạm vi tối đa cho phép theo pháp luật hiện hành, DFS có quyền thực hiện cần trừ và bù trừ:</i> (i) any part or all of the fees and any other amounts due and payable or that may become due and payable by DFS to Counterparty under any Contracts which the Parties may have entered into from time to time; against <i>bất kỳ phần nào hoặc tất cả các khoản phí và bất kỳ số tiền nào khác đến hạn và phải trả hoặc có thể đến hạn và được DFS thanh toán cho Bên Đối Tác theo bất kỳ Hợp đồng nào mà các Bên có thể đã tham gia vào từng thời điểm; đối với;</i> (ii) any amount payable or that becomes payable to DFS and/or its Affiliate by Counterparty and/or its Affiliate; <i>bất kỳ khoản tiền nào phải trả hoặc sẽ phải trả cho DFS và/hoặc Công ty liên kết của DFS bởi Bên Đối Tác và/hoặc Công ty liên kết của Bên Đối Tác.</i> b) For the avoidance of doubt, the exercise by DFS of its right of deduction and set-off shall not constitute a waiver by DFS and/or its Affiliate of its respective rights to pursue any and all other available rights or remedies against Counterparty and/or its Affiliate to collect the full amount of dues or to recover damages for Counterparty's breach of this Contract. <i>Để tránh hiểu sai, việc DFS thực hiện quyền khấu trừ và bù trừ của mình sẽ không cấu thành sự từ bỏ của DFS và / hoặc các Công ty liên kết của DFS đối với các quyền tương ứng của mình để thực hiện bất kỳ và tất cả các quyền hoặc biện pháp khắc phục hiện có khác chống lại Bên đối tác và / hoặc công ty liên kết của Bên Đối Tác để thu toàn bộ số tiền phí hoặc để bồi thường thiệt hại do Bên Đối Tác vi phạm Hợp đồng này.</i>
27. MISCELLANEOUS ĐIỀU KHOẢN CHUNG	a) Unless otherwise agreed by the Parties in a Contract, the default governing law of a Contract shall be the laws of Vietnam. <i>Trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác trong một Hợp đồng, luật điều chỉnh mặc định của một Hợp đồng sẽ là luật của Việt Nam.</i> b) The existence of a Contract between the Parties does not constitute either Party as an employee, agent or legal representative of the other for any purpose whatsoever. <i>Sự tồn tại của Hợp đồng giữa các Bên không cấu thành một Bên là nhân viên, đại lý hoặc đại diện hợp pháp của Bên kia cho bất kỳ mục đích nào.</i> c) No express or implied right of authority is granted to assume or to create any obligation or to conclude any contract on behalf of or in the name of the other or to bind the other in any manner whatsoever. <i>Không có quyền rõ ràng hoặc ngụ ý về quyền hạn được cấp để đảm nhận hoặc tạo ra bất kỳ nghĩa vụ nào hoặc ký kết bất kỳ hợp đồng nào thay mặt hoặc nhân danh bên kia hoặc để ràng buộc bên kia theo bất kỳ cách nào.</i>



	d) Each Contract constitutes an entire agreement between the Parties concerning the subject matter hereof and supersedes all prior relevant agreements, representations and understandings. <i>Mỗi Hợp đồng tạo thành toàn bộ thỏa thuận giữa các Bên liên quan đến vấn đề của hợp đồng này và thay thế tất cả các thỏa thuận, tuyên bố và hiểu rõ có liên quan trước đó.</i> e) Each Contract cannot be amended verbally. <i>Mỗi Hợp đồng không thể được sửa đổi bằng lời nói.</i> f) The failure by either Party to enforce any right hereunder shall not constitute a waiver of such right or affect the ability to enforce such right at any time thereafter. <i>Việc một trong hai Bên không thực thi bất kỳ quyền nào dưới đây sẽ không cấu thành việc từ bỏ quyền đó hoặc ảnh hưởng đến khả năng thực thi quyền đó bất kỳ thời điểm nào sau đó.</i> g) If either Party brings suit against the other Party to enforce any right hereunder or arising out of a Contract, the prevailing Party shall be entitled to recover reasonable attorneys' fees and costs on a full indemnity basis in addition to all other relief to which such Party may be entitled. <i>Nếu một trong hai Bên khởi kiện Bên kia để thực thi bất kỳ quyền nào dưới đây hoặc phát sinh từ Hợp đồng, Bên thắng kiện sẽ có quyền thu hồi các khoản phí và chi phí luật sư hợp lý trên cơ sở bồi thường đầy đủ cùng với tất cả các khoản bồi thường khác mà Bên đó có thể được quyền.</i> h) In the case of conflict between the terms of a Contract and these SPTC, the terms of the SPTC shall prevail. <i>Trong trường hợp mâu thuẫn giữa các điều khoản của Hợp đồng và các SPTC này, các điều khoản của SPTC sẽ được ưu tiên áp dụng.</i> i) Unless expressly incorporated by reference into a Contract, no terms and conditions on any other document issued by Counterparty to DFS shall be incorporated into a Contract or shall be deemed a part of that Contract. <i>Trừ khi được kết hợp rõ ràng bằng cách tham chiếu vào Hợp đồng, không có điều khoản và điều kiện nào trên bất kỳ tài liệu nào khác do Bên Đối Tác cấp cho DFS sẽ được đưa vào Hợp đồng hoặc sẽ được coi là một phần của Hợp đồng đó.</i> j) In the event that any provision in this Contract becomes or is declared by a court of competent jurisdiction to be illegal, unenforceable or void, this Contract shall continue in full force and effect without the said provision. <i>Trong trường hợp bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này trở thành hoặc bị tòa án có thẩm quyền tuyên bố là bất hợp pháp, không thể thi hành hoặc vô hiệu, Hợp đồng này sẽ tiếp tục có hiệu lực đầy đủ mà không có điều khoản đã nêu.</i> k) A person who is not a party to a Contract shall not have any rights under the Vietnam Civil Code 2015 or equivalent legislation in another jurisdiction to enforce, or to enjoy the benefit of, any term of the Contract. <i>Một người không phải là một bên của Hợp đồng sẽ không có bất kỳ quyền nào theo Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam hoặc pháp luật tương đương ở một thẩm quyền khác để thi hành hoặc hưởng lợi từ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng.</i> l) The Parties expressly acknowledge that this Contract does not create an exclusive relationship or arrangement between the Parties. <i>Các Bên xác nhận rõ ràng rằng Hợp đồng này không tạo ra mối quan hệ hoặc thỏa thuận độc quyền giữa các Bên</i> m) The Parties shall bear its own solicitor's costs and fees incidental to this Contract. <i>Các Bên sẽ tự chịu chi phí luật sư và lệ phí liên quan đến Hợp đồng này.</i> n) This Contract may be signed in any number of counterparts and by the Parties on separate counterparts, each of which when so executed shall be an original, but all counterparts shall together constitute one and the same document. <i>Hợp đồng này có thể được ký kết thành một số bản gốc, mỗi bên giữ một số bản gốc và nhưng tất cả các bản này sẽ cùng nhau tạo thành một và cùng một tài liệu.</i>
28. NOTICES THÔNG BÁO	a) All notices required or permitted to be given hereunder shall be in writing and shall be delivered by hand, internationally recognized courier services, or email addressed to the Parties' usual business address (or such other address as set out in the Contract). <i>Tất cả các thông báo được yêu cầu hoặc được phép cung cấp dưới đây sẽ bằng văn bản và sẽ được gửi bằng tay, các dịch vụ chuyển phát nhanh được quốc tế công nhận hoặc gửi qua email đến địa chỉ kinh doanh thông thường của các Bên (hoặc địa chỉ khác như được quy định trong Hợp đồng).</i> b) A notice sent according to Section 28 (a) shall be deemed to have been received: <i>Một thông báo được gửi theo Mục 28 (a) sẽ được coi là đã nhận khi:</i> (i) if delivered by hand, on written acknowledgement or receipt by an officer or an employee of the receiving Party; <i>nếu được giao tận tay, vào khi có xác nhận bằng văn hoặc biên nhận bởi cán bộ hoặc nhân viên của Bên nhận.</i> (ii) if delivered by internationally recognized courier, on production of evidence from the relevant courier that the notice has been successfully delivered; or <i>nếu được chuyển phát bằng chuyển phát nhanh được quốc tế công nhận, trên cơ sở cung cấp bằng chứng từ đơn vị chuyển phát có liên quan rằng thông báo đã được chuyển thành công; hoặc.</i> (iii) if sent by email, on receipt by the Party sending the notice of an email delivery confirmation. <i>nếu được gửi qua email, khi nhận được thông báo của Bên gửi thông báo xác nhận gửi email.</i>



	If, under the preceding provisions of this Section 28(b), a notice would otherwise be deemed to have been received outside normal business hours in the place of receipt, it shall be deemed to have been received at 9:00 a.m. on the next business day. <i>Nếu, theo các quy định trước của Mục 28 (b) này, một thông báo theo cách khác không được coi là đã được nhận ngoài giờ làm việc bình thường tại nơi nhận, thì thông báo đó sẽ được coi là đã được nhận vào lúc 9:00 sáng ngày làm việc hôm sau.</i> c) Either Party may change its address for notices by written notice to the other, 30 days in advance of any such change. <i>Mỗi Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận thông báo bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia 30 ngày trước khi thay đổi.</i>
29. DISPUTE RESOLUTION GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	a) The Parties shall attempt in good faith to resolve any dispute between them promptly by negotiation between executives. Either Party may send the other Party a request to negotiate. <i>Các Bên sẽ nỗ lực thiện chí giải quyết bất kỳ tranh chấp giữa các bên một cách nhanh chóng thông qua thương lượng giữa các bên. Mỗi bên đều có thể gửi đến Bên còn lại yêu cầu thương lượng.</i> b) If the negotiation does not result in resolution within 45 days of the notice, or such other period as the Parties may agree, the Parties shall endeavor in good faith to resolve the dispute through mediation at the Vietnam Mediation Centre (VMC), a division of Vietnam International Arbitration Centre, in accordance with its Mediation Rules for the time being in force. <i>Nếu trong vòng 45 ngày kể từ ngày thông báo mà không đạt được kết quả đàm phán, hoặc trong một thời hạn khác như được Các Bên đồng ý, Các Bên sẽ nỗ lực thiện chí giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải tại Trung Tâm Hòa Giải Việt Nam, thuộc Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam, tuân theo Quy Tắc Hòa Giải tại thời điểm hòa giải.</i> c) If the mediation is abandoned by the mediator or is otherwise concluded without the dispute or difference being resolved, or if either Party refuses to mediate, then the dispute shall be referred to and finally resolved by arbitration administered by the Vietnam International Arbitration Centre at the Vietnam Chamber of Commerce and Industry ("VIAC") in accordance with its Arbitration Rules ("VIAC Rules") for the time being in force. The seat of arbitration shall be Vietnam. The language of the arbitration shall be English. The number of arbitrators shall be three. The decision of VIAC shall be final and binding on the Parties and neither Party shall appeal against such decision. <i>Nếu hòa giải bị hòa giải viên từ bỏ hoặc được kết luận theo cách khác là không có tranh chấp hoặc được giải quyết theo cách khác, hoặc nếu một trong hai Bên từ chối hòa giải, thì tranh chấp sẽ được chuyển đến và giải quyết cuối cùng bằng trọng tài thương mại do Trung tâm Trọng tài Quốc Tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ("VIAC") theo Quy tắc trọng tài của trung tâm trọng tài ("Quy tắc VIAC") đang có hiệu lực tại thời điểm đó. Nơi diễn ra phiên xử trọng tài sẽ là tại Việt Nam. Ngôn ngữ của trọng tài sẽ là tiếng Anh. Số lượng trọng tài viên sẽ là ba. Quyết định của VIAC sẽ là quyết định cuối cùng và ràng buộc đối với các Bên và không Bên nào sẽ kháng cáo lại quyết định đó.</i> d) Despite the existence of a dispute, each Party must continue to perform its obligations under the relevant Contract as long as the relevant Contract is in effect, provided that this Section does not restrict or limit the right of either Party to obtain interlocutory relief, or to immediately terminate the relevant Contract where the relevant Contract provides such a right. <i>Bất kể việc tồn tại tranh chấp, mỗi Bên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng liên quan miễn là Hợp Đồng liên quan có hiệu lực, với điều kiện là Mục này không hạn chế hoặc hạn chế quyền của một trong hai bên trong việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, hoặc chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức nếu Hợp đồng liên quan quy định một quyền như vậy.</i>